

Ác mộng
Nightmares

Ác mộng | Nightmares
Thơ | Poetry by Hoàng Hưng
Bản dịch của | Translation by
Trịnh Y Thư & Nguyễn Đức Tùng
Xuất bản lần thứ nhất | First edition published by
VĂN HỌC Press, 2018

Copyright © 2018 by Hoàng Hưng, Trịnh Y Thư,
Nguyễn Đức Tùng & Văn Học Press
All rights reserved, which includes the right
to reproduce this book or portion thereof in any form
whatsoever as provided by the U.S. Copyright Law.

Thiết kế bìa | Book cover designed by: Bùi Nam
Ảnh bìa | Cover photo by: Hà Thế Hiển
Hoàng Hưng đọc thơ tù tại | Hoang Hung reading his prison poems at
l'Espace, Hanoi, 2008

Phụ bản | Artworks by:
Bùi Công Khánh, Hoàng Tường, Manuel Casimiro

ISBN-13: 978-1724825193
ISBN-10: 1724825194

HOÀNG HÙNG

Ác mộng
Nightmares

Thơ–Nhật ký | Poems–Diary

English Translation by
Trịnh Y Thư & Nguyễn Đức Tùng



VAN HOC

Lời nhà xuất bản

Trong cảnh huống nào những bài thơ trong tuyển tập *Ác mộng* này đã xuất hiện và từng gây xôn xao trong cũng như ngoài văn giới, người theo dõi hẳn đã biết rõ và đã có những nhận định đúng đắn về chúng, không phải chỉ mới gần đây, mà từ hơn phần tư thế kỉ qua. Nó liên quan đến cái-gọi-là “vụ án Về Kinh Bắc” mà theo cái nhìn chủ quan lẫn khách quan của chính người trong cuộc thì chẳng qua chỉ là sự trù giập cho bõ ghét (do lòng thù oán, ganh ghét, căm hận cá nhân) của một nhà thơ nắm quyền sinh sát trong tay (Tố Hữu) đối với một nhà thơ khác, người bị ném ra ngoài lề xã hội gần như suốt quãng đời của ông (Hoàng Cầm). Sự thật như thế nào thì chỉ có Trời biết, bởi nó là một vụ án y như những gì nhà văn Franz Kafka từng cảnh báo nhân loại từ đầu thế kỉ XX mà do vô tâm hay cố tình chúng ta không bao giờ lưu ý. Lúc “vụ án Về Kinh Bắc” mới khởi động thì nhà thơ Hoàng Hưng là con cá đang phẫn chấn bơi lội nhón nhơ vô tư lự giữa dòng nước cuồn nộ, hung hãn mà ông không hề hay biết. Và con cá

bị “cất vó”. *Wrong place, wrong time. Ách giữa đàng đăm quàng vào cổ.*

Lâm nạn, bị giam trong những nhà giam và trại cải tạo miền Bắc Việt Nam suốt 39 tháng, ông cho ra đời những bài thơ tù (ông gọi là *Thơ-Nhật kí* hay *Thơ-Tình huống*). Thời gian bị giam tuy không lâu nhưng sau khi ra khỏi tù ông lâm vào tình trạng hậu chấn tâm lí rất nặng mà theo ông thì cách chữa trị hiệu quả nhất là phải hét lên một tiếng thật to. Ông bảo:

Đọc sách Phân tâm học, tôi được thuyết phục rằng muốn chữa bệnh tâm lý thì phải tự gọi lại những chấn thương từ thuở xa xưa mình đã gặp phải. Nhớ lại được rõ ràng thì sẽ có cơ may khỏi bệnh. Kinh nghiệm thông thường cũng cho rằng những nỗi thương đau một khi kể ra được thì sẽ vơi đi. Vậy thì, muốn tự giải thoát khỏi những cơn ác mộng, một lần cho xong, tôi thấy mình phải kêu lên một tiếng, kêu thật to, cho tỉnh hẳn.

Đó là lí do vì sao nhà thơ Hoàng Hưng cuối cùng đi đến quyết định công bố những bài thơ tù của mình, dù sự công bố là khá rời rạc vì vẫn gặp sự cấm đoán gay gắt của nhà nước Cộng sản Việt Nam.

Dù sao có vẫn hơn không.

Lí do công bố những bài thơ tù của mình có thể là lí do tâm lí cá nhân của nhà thơ Hoàng Hưng, nhưng nếu nhìn vấn đề từ mặt lịch sử nhân văn thì sự công bố là tối cần thiết, không có không được. Lịch sử Việt Nam ở thời hiện đại có những khoảng đen tối mờ mịt, và một trong những khoảng đen tối ấy là chế độ nhà tù, trại giam khổ sai được che giấu, ngụy trang bằng cái áo mũ từ “trại cải tạo”. Sự cai trị thô bạo của nhà cầm quyền độc tài toàn trị thể hiện

qua những vụ bắt người trái phép, vô căn cứ, tổng giam trong bóng tối mà không hề được tòa án xét xử (thậm chí một cái tòa án kangaroo cũng không có). “Vụ án Về Kinh Bắc” thật ra là một trong muôn vàn vụ án tương tự khác. Khoảng đen tối lịch sử ấy còn bị khuếch đại lên nhiều lần với một chính sách tập trung và giam cầm hàng chục ngàn, có thể hàng trăm ngàn quân cán chính miền Nam sau 1975 trong những trại cải tạo khắp ba miền đất nước.

Khá may là những khoảng tối này ngày nay phần nào được hé lộ nhờ những lời tâm huyết của nhiều nhà văn, nhà thơ thoát chết chạy ra nước ngoài, viết sách, như cuốn *Cùm đở* của nhà văn Phạm Quốc Bảo, cuốn *Đại học máu* của nhà thơ Hà Thúc Sinh, cuốn *Ánh sáng và bóng tối* của nhà văn Hoàng Liên, và nhiều cuốn khác. Lịch sử Việt Nam sẽ không toàn nguyên nếu thiếu những cuốn sách ấy. Và đó cũng là lí do cho sự hiện hữu của những bài thơ “ác mộng” của nhà thơ Hoàng Hưng trong một tuyển thơ tuy khiêm tốn hình thức nhưng nhiều trọng lượng nội dung.

Trong lời mở đầu cuốn *Quần đảo Gulag* vang danh thế giới, một bộ sách cũng không thể thiếu trong lịch sử nước Nga, nhà văn Aleksandr I. Solzhenitsyn có trích dẫn một ngụ ngôn Nga như sau:

Đừng đào bới quá khứ làm gì! Sống với quá khứ bạn sẽ mất một con mắt đấy... Nhưng nếu quên biệt quá khứ bạn sẽ mất cả hai con.

Vâng, chúng ta sẽ mù hửn cả hai mắt nếu chúng ta bịt mắt, bịt tai, bịt miệng, không màng gì đến quá khứ, dù là một quá khứ đen tối, đau buồn.

Về mặt văn học thì giá trị những bài thơ tù của nhà thơ Hoàng Hưng được đánh giá rất cao bởi giới trí thức, văn

nghệ Việt Nam lần nước ngoài. Bài *Người về* được chọn in trong tuyển *Thơ Việt Nam thế kỷ XX* của NXB Giáo Dục năm 2004. Nhiều bài khác trong *Ác mộng* cũng đã được dịch và in ở không ít tạp chí văn chương Pháp, Mỹ như *Europe, Seattle Review, Poetry International, Gravity, New American Writing, Parthenon West, Hayden's Ferry Review...* Đặc biệt nhan đề *Chó đen và đêm* được sử dụng làm tựa sách tuyển thơ *Black Dog, Black Night: Contemporary Vietnamese Poetry*, NXB Milkweed Editions thành phố St. Paul, Minnesota năm 2008, trong đó có cả thảy 15 bài của nhà thơ họ Hoàng, một vinh dự không nhỏ.

Văn Học Press hân hạnh được cộng tác với nhà thơ Hoàng Hưng trong kì xuất bản tại Hoa Kỳ năm 2018. Đây là lần đầu tiên toàn bộ thơ tù của ông xuất hiện dưới dạng giấy in. Thêm nữa, trên 30 bài thơ ấy còn được dịch sang Anh ngữ qua nỗ lực dịch thuật của hai nhà thơ kiêm dịch giả Trịnh Y Thư và Nguyễn Đức Tùng. Phần Phụ lục gồm những thông tin, cảm nhận và phát biểu xoay quanh *Ác mộng*, xuất hiện rải rác từ trước đến nay trên nhiều diễn đàn văn học và văn hóa, của nhiều nhà thơ, nhà văn, giáo sư, học giả... trong cũng như ngoài nước. Rất mong công trình khiêm tốn này được độc giả khắp nơi nhiệt tình đón nhận. Mọi góp ý tích cực đều được quan tâm và thực hiện trong phạm vi có thể để tuyển thơ xứng đáng hơn với chỗ đứng của nó trên kệ sách.

– Văn Học Press, 2018

Thay lời tựa

Là một nhà thơ, nhà báo và dịch giả, từ lâu Hoàng Hưng đã là một tiếng nói có ảnh hưởng cho quyền tự do biểu đạt. Nghe tiếng nói của ông trong *Ác mộng*, bản dịch tiếng Anh đầy đủ đầu tiên những bài thơ tù, thật là một món quà cho chúng ta. Thật thân thiết và tức thời là tiếng nói ấy, đến nỗi khi Hưng đi qua “*cánh cửa sắt đen kịt*”, chúng ta đi với ông.

Những mô tả của Hưng về hoàn cảnh xung quanh được viết đến tận cùng. “*Địa ngục là đây*”, ông viết. Giấc ngủ thì “*màu máu*”, bầu trời “*tím thâm*”. Chúng ta cảm nhận cái lạnh của phòng giam của ông, nỗi khao khát tự do và gia đình.

Sức mạnh trong những bài thơ này nằm ở tính phức hợp của chúng. Cay đắng, giận dữ và tuyệt vọng xuyên suốt, nhưng nhà thơ vẫn lắng đón những biểu tượng hy vọng nhỏ nhất. Những con thạch sùng “*trắng hồng, trong trong*” làm tình bên ngọn đèn tù ngục “*tỏa hơi xuân*”. Trong bài *Cô em mới đến*, nhà thơ khẳng định tình thương

cảm khi nghe cô bạn tù hát tiếng Tàu.

*Nhà ta xa xôi lắm
Nhà em còn xa hơn
Đường về hai đứa cùng mù mịt
Thôi thì cùng hát lên.*

Tập thơ được đặt tên rất trùng, nó chứa đầy những cơn ác mộng còn kéo dài ngay cả sau khi người tù được tha.

*Một hôm
Có kẻ nhìn trên trời
Một đêm
Có tiếng bâng quơ hỏi
Giật mình
Một cái vỗ vai.*

Ác mộng cũng là một hành động làm chúng. Hưng phơi bày, qua câu chuyện của chính mình, nỗi thống khổ của vô số người khác dưới các chế độ đàn áp con người. Tiếng nói ông là tiếng nói của các nhà văn bất đồng ở khắp mọi nơi – lương thiện, can đảm, và không thể thiếu.

– **Ellen Bass**

Nhà thơ Mỹ, đồng tác giả sách *The Courage to Heal*,
đồng Chủ tịch Hội Các Nhà Thơ Mỹ
(Chancellor of the Academy of American Poets)

Đôi lời cho lần xuất bản song ngữ tại Hoa Kỳ, 2018

Những bài thơ viết về trải nghiệm 39 tháng nhà tù Việt Nam của tôi có một số phận long đong: Viết thầm trong óc lúc ở tù và hoàn chỉnh, bổ sung sau khi ra tù, chỉ đôi bài “lọt lưới” kiểm duyệt xuất hiện hàng chục năm sau, nhờ chính sách có chút cởi mở thời kỳ đầu “Đổi Mới”, nhưng cả tập thơ mang tên *Ác mộng* thì không sao chui qua được màn lọc xuất bản của nhà nước Việt Nam.

Năm 2006 lần đầu tiên *Ác mộng* được công bố trên mạng *talawas.org* (Berlin, Đức). Một số bài thơ trong đó qua bản dịch tiếng Pháp, tiếng Anh được công bố trên nhiều tạp chí văn học và tuyển tập thơ ở Pháp, Mỹ.

Mãi tận bây giờ, nhờ cái duyên lành không định trước, nhờ tình bạn tình đồng nghiệp (thi nghiệp chứ không phải đồng nghiệp theo nghĩa thường) của hai nhà thơ kiêm dịch giả Trịnh Y Thư ở Mỹ và Nguyễn Đức Tùng ở Canada, toàn bộ những cơn “ác mộng thơ” của tôi mới có

cơ may ra mắt bạn đọc dưới dạng sách in song ngữ Việt-Anh. Ngoài 30 bài “Thơ-Nhật ký” đã công bố trên mạng *talawas.org* năm 2006, tôi bổ sung vài bài liên quan, có thể coi là “Hậu-Ác mộng”.

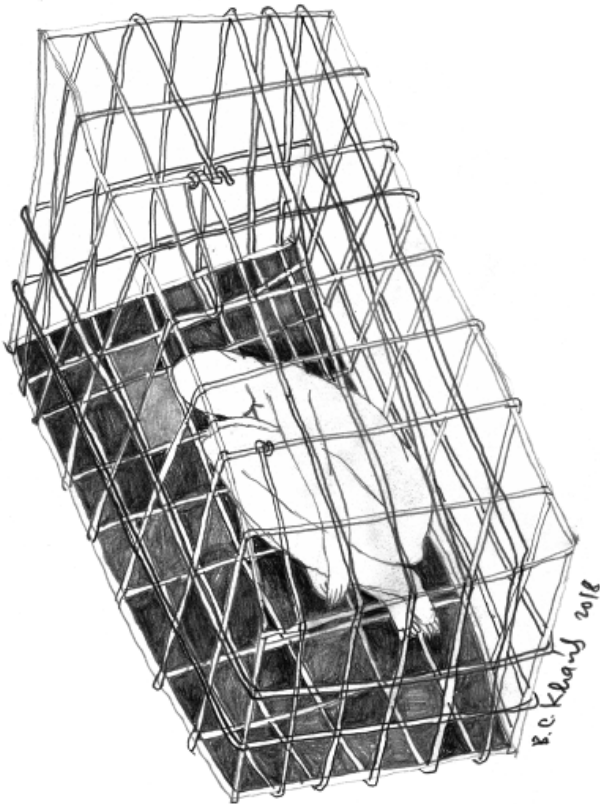
Hơn 30 năm rồi, đọc lại, lòng vẫn nao nao, những kỷ niệm đau buồn vẫn khó nguôi. Càng đau vì thực trạng đất nước về căn bản vẫn nằm trong cơn “ác mộng” kéo dài của toàn dân tộc, khi những quyền con người căn bản chưa được tôn trọng, khi ai cũng là “tù nhân dự khuyết, tiềm năng”, mọi người đều như sống trong một “nhà tù lớn”, như lời than của một nhà thơ khá hiền lành ở Hà Nội (HNC): “*Tất cả chúng ta đang chờ bị bắt*”.

– **Hoàng Hưng**, 5/2018



Nhà thơ Hoàng Hưng trước ngày bị bắt (8/1982)
Hoàng Hưng before the imprisonment (8/1982)

Ác mộng



Phụ bản | Artwork by Bùi Công Khánh

Vào

Vào

Cánh cửa sắt đen kịt
Đóng sầm sau lưng tôi
Bỗng ào ào náo loạn
Như một bể dầu sôi.

Những cái đầu trọc lóc
Vươn theo từng bước đi
Những bộ xương đen đúa
Bốc lên mùi tử thi.

A! Địa ngục là đây
Ta bắt đầu kiếp quỷ
Sao dễ dàng quá nhỉ
Chỉ một bước một giây
Bước qua cánh cửa này
Kiếp người đã xa lắt.

Giật mình nghe tiếng quát:
“Cởi hết áo quần ra!”

17/8/1982

Yếu lòng

Bữa cơm đầu tiên

Nhai miếng cơm khô giữa nắng
Trệu trạo trong mồm nuốt khó trôi
Bạn giục ăn nhanh không người mắng
Bỗng nghẹn lưng chừng nước mắt rơi.

Thôi thế từ nay đọa kiếp rồi
Tin dữ bây giờ chắc tới nơi
Nhà ta đau đớn chừng nào nhỉ
Tối sẫm trước mặt bát cơm rơi.

Chiều

Một dãy tường cao bóng đổ dài
Chú chim ngơ ngác gọi tìm ai
Chiều tà như muốn dài vô tận
Vòi nước ngoài kia cứ chảy hoài.

Mơ lạc mất con

Nửa đêm mơ lạc mất con
Tiếng kêu thảng thốt lệ tuôn áo tù
Bàng hoàng biết thực hay mơ
Bừng con mắt dậy nát như ruột gan.
Nửa đời sự nghiệp tan hoang
Con là còn lại với ngàn năm sau.
Trời ơi xin chớ hại nhau
Cha xin gánh hết thương đau kiếp này
Xin trời đừng cướp trên tay
Cho tôi sống nốt những ngày chờ trông.

Bao giờ

Thạch thùng tặc lười trên cao
Phòng giam lạnh lẽo chìm vào cõi đêm
Nhà ta giờ đã lên đèn
Bữa cơm giờ chắc đã quen thiếu người
Ta nghe tiếng mắng tiếng cười
Thằng cu nghịch xối cả nồi cơm tung.
Trời ơi sao nhớ quá chừng
Bao giờ tới bữa ngồi trông con đùa
Ngồi đây biết đến bao giờ
Trùm chăn ta đợi cơn mơ đưa về.

Sáng mông một Tết

Đang vui tít tít hàn huyền
Tỉnh ra trơ trọi giữa nền xi măng
Trời mông Một đã vào song
Đã ho hắng cả mấy phòng gần xa.
Cách tường có cậu cười qua:
Được một bữa thịt đêm ra đây quần!
Tiếng cười cả xóm rân rân
Như quên hết cả một năm đọa đầy.

Gần đất xa trời

Đêm em về trắng toát thời thơ ấu
Đêm mẹ về chẳng nói lại đi
Ở đây gần đất xa trời
Ngủ là sum họp với người cõi âm
Tỉnh ra là chết âm thầm
Xi măng lạnh, mấy chứng nhân thạch thùng.

Giã biệt

Tôi lại quay trở lại
Thế giới bốn thước vuông
Có ăn ngủ ỉa đái
Có giận hờn ghen tuông.

Xa lạ quá mất rồi
Phố xá như trong mộng
Người trên đường như nộm
Cứ trân trân nhìn tôi.

Cả em nữa em ơi
Như thuộc về cõi khác
Hụt hẫng phút hàn huyên
Anh ôm em ngỡ ngác.

Và xin em chớ giận
Khi nhìn thấy gói quà
Anh muốn ngay lập tức
Quay lại chỗ vừa ra.

Để run run mở gói
Hau háu mắt bạn tù
Đêm nay là đêm hội
Cơm muối trắng như mơ.

Thôi em về đi nhé
May em không khóc òa
Quay lưng con bỗng thét
Giờ mới nhận ra cha.

Anh cúi đầu bước vội
Thầm nói em đừng chờ

Tôi lại quay trở lại
Thế giới của tôi đây.

Em chỉ là giấc mộng
Bên trên khối mộ đây.

Phản thế giới

Đêm trắng

Đứa giết người mắt trắng dã
Ca một khúc vọng cổ nã nê
Lão làm thuốc tây giả
Run run nhặt từng hạt cơm thiu
Thằng nhóc “cắt bom”¹ ga Hàng Cỏ
Sằng sặc bóp cổ tên hiệp trẻ con
Ba thằng buôn cơm đen
Ngồi nhìn ông cụt bí thư nhảy múa.

Vào mà xem
Trong nhà “mét”²
Đám cưới thằng khoèo lấy thằng thọt.
Lại mà xem
Hai thằng ăn cướp
Bắt chấy cho nhau.

Đêm hãi hùng
Ta ở đâu đây
Đêm không chớp mắt chờ sáng.

Sàn xi măng vảy ghẻ rụng đầy.

¹ Tiếng lóng dân bụi đời Hà Nội, chỉ động tác cắt các bao hàng chở sau xe đạp để lấy cắp.

² Tiếng lóng của tù Hỏa Lò Hà Nội thời đó, chỉ nhà vệ sinh nằm ngay trong buồng giam chung.

Gọi (Vụ hiện 4)

Tôi gọi giữa đêm. Gọi tiếng xe ngoài đường gọi gió gọi mùi hương gọi ba la bông lông sải cánh con chim dài hai thước gió đánh nhằng nhịt tái tê bầu trời lụn bại. Tôi gọi giữa đêm. Xác xơ chân tóc căng ấn đường tôi gọi. A ha! Nhảy nhót, nghiêng răng, xóc lọ. Thổi tắt phụt ngọn đèn trăm nến. Nhắm mắt và mơ đi. Mảnh sân hẹp, tiếng đàn bà xối nước, một củ hành tươi. Có thể thôi. Không không không tôi chán lắm rồi. Chán “điểm”¹, chán bắt rận, chán đọc rõ số giam. Nửa đêm tôi gọi mộ huyết âm vang. Tự do! Mi ở đâu?

¹ Tiếng lóng Hỏa Lò, chỉ “nghi thức” điểm danh mỗi sáng.

Những mảnh mộng (Vụt hiện 5)

Chạy cuồng chân đồng đất đỏ ngầu, lửa sắt tóe tung,
mưa máu. Thằng bé xòe tay xin chó đá. Mài đầu rên
xiết. Hồn kinh.

Chim đen bậu kín mặt nhà thờ. Pháp sư rán bánh. Róc
rách sợi hoa vàng nở. Mắt cá trùng trùng trong lưới
mộng mênh.

Em ơi mộng mị trần trường góc tối. Vút đài cao ngăn
ngắt trăng xa. Bãi biển ồn ào vũ nữ quay tít. Em không
nói khóa trái nhà hoang dắt tay nhau về vô tận. Ngày
nhật thực bầy mặt trời vẫn vụt. Gió dậy đồng không nơi
ẩn náu.

Vụt hiện 6

Thần trí vùg lên đáy huyết rùng rùng. Tắt lịm, u mơ,
nhòa tỏa. Lấp lóa vàng son vồ nhíp. Đìu hiu.

Thân thể nát như tương. Kiệt quệ lời ca khật khùng râu
tóc. Co quắp nằm chịu trận. Sắt xăm, ngực nghẹn, u âm.

Xóm xà lim mìn mịt mặt người, ú ở gọi kêu cào vách
đêm thăm thẳm. Thông thống vào lòng nhân loại tối đen.
Quyê khóc mắt ráo hoảnh.

Buổi trưa

— Sau một cơn động đất xa

Chói chang ngực rộng mây bay về khát khát
Cây đá đổ vách trần xiêu lao đao bốn mặt
Ai gọi rất xa.

Chờ ta!

Chờ ta bùng nổ!

Chiếc lá bàng

Những đôi mắt âm thầm
Đôi qua khe cửa
Bao giờ rụng chiếc lá bàng cuối cùng?

Sẽ rụng đêm nay
Khi gió bắc nổi
Không. Nó sẽ còn đeo đẳng mãi trên cây
Dai như kiếp sống đọa đầy.

Trong giấc ngủ màu máu
Chiếc lá bàng mênh mông
Thức dậy không còn lá
Bầu trời tím thâm.

Bỗng rụng mình kiệt quệ
Như vừa ra đi giọt máu cuối cùng.

Cái chết

Những con rận đã bỏ anh đi hết
Anh chết
Trong đêm
Miệng trắng thuốc đánh răng.

Đã bảo mãi anh rằng
Đói đến mấy cũng đừng ăn thuốc đánh răng.

Tắm thân thuốc bảy
Còn tắm giẻ hôi
Cũng là xong nhỉ
Ân oán một đời.

Những con ruồi bay đến.

Chán nản

Như chỉ còn một ấm ức
Phân tích mùi hành lang mốc meo thăm thẳm.

Như chỉ còn một mạo hiểm
Nhìn vói qua mái nhà chằng chịt thép gai.

Như chỉ còn một thú vui
Ôn lại những giấc mơ dị kỳ chấp vá.

Như chỉ còn một ao ước
Thấy mặt người cách tường trò chuyện.

Như chỉ còn một lời nguyện
Kiếp sau đừng biết cuộc đời tự do.

Chiều cuối năm (Vụt hiện 7)

Chạng vạng hồn ta u âm mộ huyết răng thép răng đá ngả
ngả xiêu xiêu. A! Trần nặng tường dày. Còn gì nữa? Con
rệp đốt con muỗi bay con tắc kè thè lưới, lưới thép gai
chim trời không xuống đậu để mình ta vò vọi dối tăng
không. Đập đầu cửa sắt chân lún xi măng ăn đái ỉa nằm
ngồi hàng thế kỷ, ằng ặc chiều đông cắt tiết bầu trời. A!
Nát như số mệnh bàn tay!

Thạch thùng (Vật hiện 8)

Đôi thạch thùng trên trần xà lim, trắng hồng, trong trong, bên ngọn đèn ấm áp. Chúng làm sao biết chốn này tù ngục. Chúng đâu thèm quan tâm một người suốt ngày đêm nằm ngửa nhìn chúng khỏa thân yêu nhau. Chúng đâu biết đêm nay đêm đông cắt da cắt thịt. Trắng hồng, trong trong, chúng lặng lẽ yêu nhau bên ngọn đèn tỏa hơi xuân. Ngọn đèn tù ngục.

Nếu con người khỏa thân không hổ thẹn. Nếu con người yêu nhau hồn nhiên dưới mặt trời. Như thạch thùng. Thì có lẽ không có tù ngục. Phải không nhỉ thạch thùng?

– *Thạch. Thùng.*

Cách bảy lần tường

Cách bảy lần tường
Có con mương nhỏ
Mùi bùn chiều mưa
Có con đường làng
Ngây ngây xoan tím.

Cách bảy lần tường
Tiếng cười vụt qua
Một trưa rất giòn.

Sau bảy lần tường
Có người đêm đêm
Mắt mở trừng
Nghe sấm chạy.

Một hôm
Có cánh hoa xoan
Vào thăm người ấy
Bàng hoàng người ấy
Nhặt cánh hoa xoan.

Chuyện chỉ có vậy
Sau bảy lần tường.

Nửa đêm

Cứ nửa đêm choàng dậy
Vì giọng hát ồ ồ
Bao giờ cũng một câu thôi:
Trời hãy cứu giúp tôi!

Lòng đất vọt ra?
Lưng trời rớt xuống?
Xuyên bảy lần tường
Cõi nào vọng lại?

Tất cả choàng dậy nghe
Rồi lục tục nằm lại
Người ngáy tiếp
Người trần trọc
Người rấm rứt.

Ta cứ ngồi bó gối
Câu hát dội từ ngực xuống chân
Từ chân lên đầu
Âm âm trong tóc
Chỉ một câu thôi:
Trời hãy cứu giúp tôi!

Chỉ một câu thôi
Vào lúc nửa đêm
Trái đất trở mình giữa bầu trời tối đen.

Một ngày

– *Nhớ đôi bạn tù trẻ tuổi ở T.L.*¹

Buổi sáng lạnh canh
Em ca cốc rộn ràng
Lại bắt đầu một ngày bên nhau
Chào em cô hàng xóm vô hình.

Rồi mở cửa
Thay bô
Đóng cửa
Rồi mở cửa
Đi cung
Giữa hỏi đáp
Ú tim
Mèo chuột
Vẫn lờn vờn một bóng dáng vô hình.
Rồi về phòng
Mở cửa
Đóng cửa
Rồi mở cửa
Cơm
Đóng cửa
Mời nhau bằng lạnh canh bát đũa
Ta cùng ăn qua vách bữa cơm tù.

Sau tiếng nước rửa bát phút im lặng thiêng liêng trước giờ
em tắm
Rồi róc rách dề dặt em kỳ cộ cố nhẹ nhàng như xấu hổ
anh hết nóng bừng lại lạnh toát trong ngừng thở
Em phơi áo vù con chim bay lên.

Rồi mở cửa
Tự khai
Sa mạc giấy
Lạc đà chữ
Chỉ vẫn vợ một bóng dáng vô hình.
Rồi về phòng
Mở cửa
Đóng cửa
Rồi mở cửa
Cơm
Đóng cửa
Mời nhau bằng lạnh canh bát đũa
Ta lại cùng ăn qua vách bữa cơm tù.

Rồi nôn nao chờ bóng tối
Giờ của thông linh giờ của chúng mình.
Anh gõ trước nhè cạch cạch cạch
Em cạch cạch cạch
Anh cạch cạch – cạch cạch cạch
Em cạch cạch – cạch cạch cạch
Rồi anh xoa xạt xạt
Em xạt xạt
Anh xạt xạt xạt
Em xạt xạt xạt
Những tín hiệu không lời riu rít đồn dập xoắn xuýt
cuống quít.

Bức tường bốc cháy
Đêm bốc cháy
Những mảnh đêm rơi
Lả tả
Rã rời.

Tiếng khóc nửa đêm
Là nhận dạng của em.

¹ Trung tâm thẩm vấn Bộ Nội vụ ở Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội, thường gọi là “Xà lim Bộ”.

Cô em mới đến

Em ở đâu vào?
Em từ dãy nào qua?
Em tội gì?
Em ở đây đã bao lâu?

Không có tiếng trả lời.

Lát sau em hát
Bài hát tiếng Tàu
Tiếng Tàu ta đã quên từ lâu

Có cô quản giáo
Chuyện trò với em
Bảo hạt đậu của em đã mọc thành giá
Dạn em chải chấy
Mỗi ngày

Lát sau em bắt đầu
Hỏi gióng lên trời những câu vớ vẩn
Rồi tự trả lời
Rồi em lại nghêu ngao
Bài hát tiếng Tàu

Nhà ta xa xôi lắm
Nhà em còn xa hơn
Đường về hai đứa cùng mù mịt
Thôi thì cùng hát lên.

Tiếng Tàu ta quên
Nhưng bài hát Tàu ta nhớ
Hát đến mệt nhoài thì đi ngủ.

Nửa đêm chợt tỉnh
Nghe tiếng khóc tử tê
Ta ngồi như chết
Tường cao bốn bề.

Chạy

Chạy một mình
Trong bóng tối
Chạy co đầu gối
Chạy vã cô đơn
Chạy quên sợ hãi
Mồ hôi mặn
Rít qua kẽ răng.
Chạy một mình
Ảo tưởng sống
Nghe tiếng chân mình
Âm âm xi măng.
Chạy một mình
Run đầu gối
Chạy từ đói
Đến hết muối.
Chạy một mình
Lê không nổi
Chạy đỉnh núi
Toạc bàn chân
Chạy trong bùn
Chân bị trói.
Chạy một mình
Trong bóng tối
Bỏ quên tôi
Cả thế giới.
Trái đất ngủ
Một mình tôi
Chạy tại chỗ

Thình thình thình
Tim tôi gõ
Ai nghe ai nghe
Ai vào căn cổ
Ai đá lăn chiêng
Mắt nhắm nghiền
Tôi cứ co
Đầu gối.

Giải mộng

Cầu vồng

1.

Sững sờ lặng ngắt
Anh nắm chặt tay em.
Không anh không chui qua đâu
Sợ bước chân đi
Cấm kỳ trở lại.

2.

Cầu vồng chắn cơn mưa
Cầu vồng chắn cơn mơ
Cầu vồng mở
Vùng trời mù mờ.

3.

Cầu vồng móng cụt
Anh trèo chơi với
Đến lưng chừng trời
Thì ngã.

4.

*“Muốn giữ đầu lên cầu mà đứng
Đi đến gần thì bung lấy đầu.”¹*
E đến khi mình chết
Chưa giải được lời mơ.

¹ Ghi lại nguyên văn lời một ni cô khuyên tác giả trong một giấc mộng đêm ở “Xà lim Bộ”.

Hỏi tòa nhà đá

Nuốt bao nhiêu tiếng khóc tiếng rên la
Sao mà lạnh căm thế?

Hút bao nhiêu hơi thở hỗn hển
Sao mà lạnh lẽo thế?

Giám hãm biết bao nhiêu cuộc đời
Sao mà cứng rắn thế?

Ủ bao nhiêu hy vọng
Sao mà u tối thế?

Con nhân sư thế kỷ hai mươi
Không bao giờ trả lời.

Chớp mắt

Một vương tường một thế giới
Một giấc ngủ một đời người.

Đêm vượt đèo

Nhắm mắt cho đầy bóng tối
Tiếng xe gần giọng vượt đèo
Tiếng mõ kinh mùi nhang khói
Chiếc quan tài đi cheo leo.
Trời ối sương mù mất lối
Chẳng biết hồn lạc về đâu
Chỉ còn ánh đèn vòi vọi
Đêm đêm em thấp nguyện cầu.

Những ác mộng của em

Con đường này em đã đi
Bên vực thẳm bên tường cao chất ngất

Mỏm núi này em đã đứng
Bó tay nhìn ngựa trắng cùng đường

Em đã bay kiệt sức
Không kịp lấy bùa cứu anh

Sợ quá những giấc mơ cứ thành sự thật
Đêm không dám ngủ mắt như đèn
Bất hạnh cần gì biết trước
Hay Trời cho đau khổ dần quen?

Bao giờ thì em hết ác mộng?
Bao giờ ác mộng sẽ tan theo bóng đêm?
Bao giờ ác mộng chỉ là ác mộng
Của anh và của em?

Người về

Người về từ cõi ấy
Vợ khóc một đêm con lạ một ngày

Người về từ cõi ấy
Bước vào cửa người quen tái mặt

Người về từ cõi ấy
Giữa phố đông nhồn nhột sau gáy

Một năm sau còn ghen giữa cuộc vui
Hai năm còn mộng toát mồ hôi
Ba năm còn nhớ một con thạch thùng
Mười năm còn quen ngồi một mình trong tối

Một hôm có kẻ nhìn trần trời
Một đêm có tiếng bâng quơ hỏi

Giật mình
một cái vỗ vai.

Mùi mưa hay bài thơ của M.

Tất cả nước mắt loài người bao vây nhà ta
Nằm bên anh em kể câu chuyện buồn
Chôn sâu trong lòng giờ mới nói ra
Gợi ý của trận mưa chưa từng thấy.

Đã một nghìn đêm mưa trắng đêm
Điên cuồng nhớ mùi anh như con bò cái nhớ mùi phân rác
Anh đánh mất mùi anh trên những sàn đá lạ
Chỉ còn mưa mùi nước mắt đêm.

Em còn yêu anh không yêu đến đâu giận ghét đến đâu
Mười lăm năm lòng mình chưa hiểu hết.

Mưa mưa ngập tầng trệt
Đưa nhau lên gác xếp nằm nghe mưa sập mái tôn.

Ước nằm nghe mưa rồi chết.

Chó đen và đêm

1.

Con chó
Con chó đen
Con chó đen chạy vào đêm
Đêm gừ gừ, âm ỉm.

2.

Chó đen sữa bông sứ máu.

3.

Chó đen ngựa mặt nhìn trăng.

4.

Chó đen rin rít những điều khó hiểu
Hồn ai đang lang thang trong đêm?

5.

Buồn quá chó ới
Ai cũng bỏ ta rồi
Phì phì mà ghêch mồm vào môi.

6.

Chó đen sùng sục suốt đêm
Nổi ngứa ngáy tiền kiếp
Phát điên vì không nói được.

Định mệnh

Nó sẽ đến lúc không ai chờ đợi
Vô lý như câu chuyện tầm phào
Em linh cảm suốt một đời dẫn dọc
Em bận tâm giải nghiệm những chiêm bao.

Anh biết anh có kẻ thù giấu mặt
Cứ rình chờ những cú bất ngờ
Anh biết sinh ra mình đã mang hội chứng
Rùng mình khắc khoải trước hư vô.

Em bảo có vong đè nặng hai vai
Khiến một ngày đổi ba sắc mặt
Vong ấy là anh chứ ai
Ám đời em tâm hồn bệnh tật.

Không còn Chúa cho người xưng tội
Chỉ chờ xem trừng phạt lúc nào
Em bi phần ở hiền sao gặp ác
Ác ở trong hiền chứ ác ở đâu.

Hay kiếp trước mình đã từng ăn lận
Hay kiếp sau mình sẽ được đền bù
Sao biết được hơi đâu mà lẩn quẩn
Cứ xếp bằng như Đức Phật ngồi tù.

Sốt

Tôi bỗng bệnh tôi nở chật không gian
Tôi nhìn tôi bay khỏi đất
Cơ sốt nào đây cơ thể rùng rùng ù tai chóng mặt.

Bàn tay em sưởi mát
Lòng anh còn bất an.

Tiếng em đều đều lời kinh xa xăm
Có một kiếp mình tu chưa trọn kiếp
Mắt em trên ngọn cây
Dõi đoàn tàu oan nghiệt
Kiếp này anh lại vụng
Có còn kiếp khác không em?

Giật mình gối ướt
Tay quờ sang em
Ngày buồn ăn cả vào đêm
Em ngồi như núi lặng im mà buồn
Anh còn chao đảo vô thường
Những cơn động đất diên cuồng dưới da.
Bao giờ cơn sốt lùi xa
Để anh lẳng lặng tan ra thành lời.

Phụ lục

Lời ngỏ

(Cho lần công bố đầu tiên tập Ác mộng)

Thấm thoát đã hai mươi năm kể từ cái ngày¹ tôi ngơ ngác xách gói “nội vụ”² khắp khởi bước ra khỏi cổng trại Thanh Cẩm³ mà lòng còn chưa tin hẳn đó là sự thật. Cho đến khi, theo lời dặn của người quản giáo tốt bụng, rẽ vào nhà anh để ăn bữa cơm tự do đầu tiên sau hơn 39 tháng cơm tù⁴. Và được anh chỉ lối ra bến xe khách về ga Thanh Hóa. (Tôi xin ghi ơn anh cũng như một vài quản giáo ở Thanh Cẩm, biết tôi bị tù vô lý, đã đối xử một cách có tình người, xin lỗi là tôi không nhớ chính xác tên của những người ấy để nêu lên ở đây.)

Đêm đợi tàu ở ga Thanh Hóa để về đoàn tụ với đại gia đình ở Hà Nội, giữa đám trẻ bụi đời mà tôi tự nhiên sáp vào theo một lựa chọn bản năng cho sự an toàn của mình, sự lựa chọn không thể giải thích bằng lý trí, có lẽ là đêm đầu tiên tôi không ác mộng. Có thể nói hơn một nghìn đêm sống trong các chỗ giam cầm khác nhau, từ trại tạm

giam Hỏa Lò, đến Trung tâm Thẩm vấn Quốc gia ở ngoại thành Hà Nội, sau cùng là trại cải tạo Thanh Cẩm ở miền núi Thanh Hóa, hầu như không đêm nào tôi không gặp ít hay nhiều ác mộng, những ác mộng ngắn hoặc dài, là những mảnh vụn hay cả một câu chuyện. Phần lớn những ác mộng ấy, nếu không là lạc vào những cảnh giới hãi hùng thì cũng bao gồm cảnh mình bị rượt đuổi, bị bắt, hay bị giam cầm, hoặc vượt ngục mà không thoát... Có điều tôi có thể khẳng định là tôi chưa bao giờ mơ thấy mình bị đánh đập hay bị tra tấn!

Đêm tự do đầu tiên hình như tôi ngủ rất sâu, và tỉnh dậy không nhớ là mình có mơ thấy gì trong lúc ngủ hay không. Nhưng rồi về sau, cứ lâu lâu, tôi lại có những ác mộng, mà phần lớn cũng lại vẫn là những cảnh như thế. Tình trạng cứ kéo dài cho đến tận bây giờ. Tôi hằng mong chúng đừng trở lại, đừng làm tôi thảng thốt tỉnh dậy giữa đêm, đừng ám ảnh những ngày tôi đang mong muốn tĩnh tâm để hòa nhập lại với xã hội và tự tu chỉnh con người mình. Nhưng vô ích. Chúng cứ trở lại, lúc thưa lúc mau, không bao giờ báo trước. Trong lúc tôi ở tù, vợ tôi có lần đi xem bói, một cô bói rất trẻ và xinh ở gầm cầu Trương Minh Giảng (Sài Gòn). Không cần khai cô ấy cũng biết là “chồng của chị đang bị tù. Rồi sẽ được ra, nhưng nếu ông ấy không biết tu thì rất có thể sẽ vào tù lần nữa.” Khi tôi về thì cô ấy đã đi đâu không tìm lại được nữa, nhiều khả năng cô đã vượt biên, và đã hoặc bỏ xác trên biển cả hoặc thành một Việt kiều ở đâu đó.

Vợ tôi rất lo cho tôi, luôn khuyên tôi phải tu. Tu có nghĩa là phải kiềm chế dục vọng, phải kiềm chế “cái Tôi” và phải nhẫn nhịn, đừng chấp trước, đừng oán hờn. Than ôi chẳng làm văn nghệ thường rất khó tu, nhất là tu hai cái đầu tiên, nhưng cái sau cùng thì tôi tự xét mình phần nào

tu được. Chứng cứ là tôi chẳng bao giờ oán hận những người đã tham gia việc bắt bớ giam cầm mình, làm cho vợ con mình khổ cực suốt mấy năm trời mà những di chứng đến bây giờ chưa hết. Vì thực tâm tôi hiểu họ cũng chỉ là công cụ của một bộ máy, một bộ máy nhiều khi tàn bạo nhân danh cái tốt đẹp.



Hoàng Hưng thăm lại phòng giam Hỏa Lò, 2010

Cố gắng “tu” theo lời vợ khuyên, liệu tôi có thoát khỏi tù đầy lần nữa hay không chưa biết, nhưng những cơn ác mộng thì vẫn không buông tha cho tôi.

Đọc sách Phân tâm học, tôi được thuyết phục rằng muốn chữa bệnh tâm lý thì phải tự gọi lại những chấn thương từ thuở xa xưa mình đã gặp phải. Nhớ lại được rõ ràng thì sẽ có cơ may khỏi bệnh. Kinh nghiệm thông thường cũng cho rằng những nỗi thương đau một khi kể ra được thì sẽ vơi đi. Vậy thì, muốn tự giải thoát khỏi những cơn ác mộng, một lần cho xong, tôi thấy mình phải kêu lên một tiếng, kêu thật to, cho tỉnh hẳn.

Đó là lý do năm 2002, vào dịp kỷ niệm 60 năm chào đời, 40 năm chào thi đàn, cũng là dịp 20 năm đời mình có một bước ngoặt lớn là sa chân vào ngục tù, tôi quyết định đưa 30 bài thơ hợp thành phần *Ác mộng* vào trong *Tuyển Thơ 40 năm* của mình.

Đây là những bài thơ tôi làm trong và sau khi ra tù. Có những bài “vụt hiện” trong óc, tôi cố nhớ và sau khi ra tù thì ghi lại, chỉ sửa đôi từ hoặc không sửa; có những bài hình thành một phần trong tù, hoặc một đoạn, hoặc cái tứ, hoặc một câu chủ, sau này tôi dựa vào đấy mà hoàn thành; có những bài, trong những lúc bị ám ảnh kéo dài của ác mộng, tôi lại như sống trở lại cảnh sống trong tù trước đây, và bài thơ hiện ra.

Mặc dù thân tình, cả hai vị giám đốc xuất bản mà tôi đưa bản thảo tập thơ (NXB Hội Nhà văn và NXB Hải Phòng) đều bảo: “Hay nhưng không in được.” Lý do chính là vì 30 “ác mộng” kia. Ngay sau khi về hưu, nhà thơ Ngô Văn Phú, nguyên giám đốc NXB Hội Nhà văn, đã vì đọc bản thảo thơ tù của tôi mà cảm hứng viết cả một chân dung tôi, trong đó ông công khai trích dẫn và bình luận những bài thơ ông đã không dám cho in.

Nhân đây, tôi xin có lời ca ngợi và cảm ơn nhà thơ Quang Huy, nguyên giám đốc NXB Văn hóa – Thông tin, là người đầu tiên dũng cảm cho in vài bài thơ tù của tôi trong tập *Người đi tìm mặt* vào năm 1994. Việc này khiến ông gặp khá nhiều rắc rối, nhưng ông đã khéo léo vượt qua, cũng như đã vượt qua những rắc rối khác vì sự táo bạo của mình trong lúc duyệt in sách. Cũng việc này lại dẫn tới cái may là tôi có lý do chính đáng để xin từ bỏ chức trách quyền rơm vạ đá là Trưởng ban Văn hoá Văn nghệ báo Lao Động.

Bài rắc rối nhất trong mấy bài thơ tù ấy, bài *Người về* (cùng với bài *Mùi mựa hay bài thơ của M.*) sau này đã được tuyển vào những tuyển thơ quan trọng như *Thơ Việt Nam 1975-2000* của NXB Hội Nhà văn (2000, 2001), *Thơ Việt Nam thế kỷ XX* của NXB Giáo dục (2004), và cùng với nhiều bài khác trong *Ác mộng* đã được dịch và in ở không ít tạp chí văn chương Pháp, Mỹ (*Europe, Seattle Review, Poetry International, Gravity, New American Writing, Parthenon West, Hayden's Ferry Review...*)

Về việc tuyển chọn hai bài thơ nói trên vào các tuyển tập Thơ Việt Nam, tôi phải cảm ơn trước hết nhà thơ Vân Long, biên tập viên NXB Hội Nhà văn và nhà thơ Quang Huy là những người nhiệt tình ủng hộ nó nhất, cùng những nhà thơ khác là thành viên các ban tuyển chọn⁵.

Tháng 9/2005, tôi lại gửi *Ác mộng* như một tập thơ độc lập cho NXB Hội Nhà văn và đề nghị trả lời trong một tháng. Câu trả lời cuối cùng vẫn là: “Chưa in được, phải đợi.”

Đợi đến lúc nào nữa đây? Không thể chờ đợi lâu hơn, hôm nay tôi quyết định công bố ba mươi bài thơ ghi lại những ác mộng ấy. Để tổng tiến chúng như tổng tiến các vong hồn, để quên chúng đi mãi mãi, cho chúng đừng đè nặng hai vai mình trên con đường tương lai.

– **Hoàng Hưng**

Nguồn: talawas.org (2006)

¹ Nếu tôi nhớ không lầm thì đó là ngày 29 tháng 10 năm 1985.

² Danh từ của nhà tù miền Bắc Việt Nam, chỉ toàn bộ quần áo và đồ dùng tùy thân của người tù.

³ Thuộc huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa. Vào trại này ít lâu tôi được biết nhà báo/nhà thơ Tuấn Nguyễn cũng từng bị cải tạo ở đây vào những năm 1960 sau vụ án “Xét lại”.

⁴ Tôi bị bắt đưa về Hỏa Lò vào chiều ngày 17 tháng 8 năm 1982 vì tội “tuyên truyền văn hóa phẩm phản động” (tức bản thảo tập thơ *Về Kinh Bắc* của Hoàng Cầm), và sau đó bị thêm tội tàng trữ “những bài thơ phản động gấp trăm lần” (tức những ghi chép bằng thơ trong nhật ký của chính tôi).

⁵ Nhà thơ Nguyễn Bùi Vợi, chủ biên tuyển *Thơ Việt Nam Thế kỷ XX* khi trả lời phỏng vấn của đài BBC đã tự hào dẫn chứng bài này để chứng minh cho tinh thần rộng mở của tuyển thơ. Bài này cũng được nhà thơ Nguyễn Cảnh Tuấn tuyển vào sách *100 bài thơ hay thế kỷ XX* (NXB Hội Nhà văn 2005). Người về sau đó còn được đưa vào tuyển *100 bài thơ hay Thế kỷ XX*, NXB Giáo dục, bản dịch tiếng Anh của nó (*A Man Returning Home*) và nhiều bài khác trong Ác mộng được đưa vào tuyển thơ VN đương đại *Black Dog, Black Night*, Mildweed Editions, Hoa Kỳ, 2008 (với tựa đề là bài thơ *Chó đen và đêm* của Hoàng Hưng, bài này cũng được in toàn văn ở bìa lật của sách), *A Man Returning Home* và *Black Dog, Black Night* còn là 2 trong số 15 bài thơ Việt Nam đương đại được tuyển chọn vào các tác phẩm văn học thế giới của tập đoàn xuất bản quốc tế McMillan.

Viết về *Ác mộng*

... Càng thấm thía hơn đối với tôi là bài *Người về* mà tôi thấy đề tài và chủ đề trùng hợp – song mở rộng hơn, khơi sâu hơn – với một bức danh họa của Repine (Nga). Có thể nói câu:

Bước vào cửa người quen tái mặt

của anh đã được Repine minh họa chính xác, đầy đủ. (Anh có thể tìm xem bức tranh này trong tuyển tập tranh Repine do Liên Xô xuất bản, chú thích bằng Pháp văn, đã bán ở Hà Nội, hiện tôi đang có). Tên bức tranh là *Những người không ai chờ đợi* nói tình huống bi thảm của những người tù đầy chính trị từ Siberie trở về gia đình, bị xa lánh.

(Thư viết tay gửi Hoàng Hưng, Hà Nội 6/6/1994)

– **Nguyễn Hữu Đang** (1913-2007)

Nhà hoạt động chính trị xã hội, được coi là thủ lĩnh chính trị của báo Nhân Văn, Hà Nội, Việt Nam

Nguồn: talawas.org

... Tất cả các bài thơ (của ông) đều rất có cá tính.

(Thư viết tay gửi Hoàng Hưng, 18/2/1997)

– **Allen Ginsberg** (1926-1997)

Nhà thơ Mỹ được coi như người phát ngôn của “Thế hệ Beat” những năm 1960. Nổi tiếng với trường ca *Hú* (Howl) năm 1955
Viện sĩ Viện Hàn lâm Văn chương & Nghệ thuật Hoa Kỳ

Đọc bản dịch các bài thơ của ông, tôi rất xúc động vì những xúc cảm về sự lạc lõng và mất mát trong đó. Chắc là cả thế giới chúng ta đã đi đến cùng một chỗ đắng cay như thế.

(email gửi Hoàng Hưng, 12/7/2001)

– **Robert Creeley**

Nhà thơ Mỹ, Poet Laureate bang New York 1989,
Chancellor of the Academy of American Poets 1999

Điều mà tôi yêu trong các bài thơ của Hoàng Hưng, đó là ông đã phục dựng cái thực tại khách quan, bên ngoài thông qua lăng kính của tinh thần, của cái thực tại bên trong, chủ quan, mộng mị và nhạy cảm. Cho nên trong thơ ông có những ghi nhận chính xác về các sự vật, nơi chốn hay biến cố, nhưng những cái đó truyền đạt tới chúng ta đã được phóng đại, biến dạng, sửa đổi bởi những gì mà tác giả nhìn thấy và bởi những gì rung lên trong ông.

(email gửi Hoàng Hưng, 15/6/2002)

– **Marie Etienne**

Nhà thơ Pháp,
BTV báo *Aujourd'hui Poeme*, Paris

Người về & Mù mưa

Hai bài thơ của Hung [Hoàng Hưng] thể hiện một phong cách và đề tài nhất quán của một con người ở đầu chót của sợi thừng hay ở tột đỉnh của một kinh nghiệm đau khổ hay giải thoát khỏi đau khổ. Cả hai bài thơ đều liên quan đến việc sử dụng thời gian như một phần của tấn kịch ấy. Trong bài *Mù mưa hay bài thơ của M.*, hai người yêu đã chia lìa trong 15 năm rồi lại gặp lại nhau. Tình yêu của họ bền bỉ như mưa đang rơi, nhưng xa cách một nghìn đêm đã là nỗi đau khổ cực độ, và bây giờ họ ước mong được chết cùng nhau dưới mái nhà mưa rơi (để giữ cho tình yêu của họ được vĩnh cửu). Trong bài *Người về*, một người trở về sau một thời gian vắng mặt không rõ lý do từ một “cõi ấy”, để khám phá ra rằng vợ, con, và bạn bè không còn biết, không còn hiểu được mình nữa. Người ấy đã là một hồn ma đối với họ. Và sự vắng mặt đối với ông đã là một vết thương nặng nề đến mức ông ghen giữa bữa tiệc vui, tối hai năm sau ông còn sực tỉnh vì cơn ác mộng và tối tận mười năm sau khi trở về, ông còn ngồi một mình trong bóng tối. Ông là một người xa lạ trong cuộc sống của chính mình. Nhưng rồi ông cũng có sự giải thoát khỏi đau khổ. Có một ngày ông mệt mỏi chán chường vì ánh mắt nhìn chăm chăm, và có một đêm một tiếng nói, có thể là của một người đàn bà, cất lên hỏi ông. Cái vở vai làm ông giật mình dường như đưa ông trở lại thế giới. Ông sực tỉnh lại, hoặc là trở về cuộc sống đã từng tiện nghi với ông, hoặc là trở về sự hiện diện mới được chào đón trong lòng cái thế giới cũ kia. Tính cách bị che mờ của câu chuyện (ai vở vai, ai là người bây giờ đánh thức ông) là phần có chủ đích của câu chuyện. Thơ của Hung làm tôi nhớ đến những tiểu thuyết hư cấu mang tính hiện sinh. Chúng xảy

ra trong một thời gian rất rõ nhưng cũng có một tính cách vô thời gian. Nhiều năm tháng được nén lại trong một bài thơ trữ tình ngắn nói về mất mát và đau khổ. Con người đau khổ có thân xác và kinh nghiệm cụ thể, nhưng theo một nghĩa khác, cũng là một gương mặt tiêu biểu. Tôi nghĩ đến cuốn tiểu thuyết *Người đàn bà trong cồn cát* của tác giả Nhật Bản Kobo Abe. Một ngày nọ có một người đàn ông trượt chân thụt xuống một vực cát trong khi đang bước đi giữa sương mù ở một nơi xa xôi. Thế rồi ông ta trở thành chồng của một trong số nhiều người đàn bà của cồn cát mà nghề nghiệp là xúc cát suốt đời. Thực vậy, ông ta đã tìm ra số phận của chính mình, không lay chuyển được, không thể nào thoát khỏi (và cuối cùng thì có lẽ ông không muốn thoát khỏi). Chúng ta được ban cho phải sống trong những thế giới đầy đau khổ. Nhưng con tim vẫn có khả năng trôi dạt, mặc dù đã bị chôn vùi nhiều năm tháng (*Mùi mựa*); một cái võ vai có thể thành linh thức tỉnh chúng ta trở về với đời sống từng đã quay mặt với chúng ta.

Tôi không biết có bài thơ nào khác để so sánh với thơ Hung. Bên dưới cái bề mặt bình thản, kể chuyện, thơ Hung rất phức tạp và xúc động. Có lẽ trong đời thực, Hung đã cảm thấy bị lưu đày giữa ngay xứ sở của mình và bị dời khỏi những hoàn cảnh sống và làm việc của chính mình.

(*Tạp chí Gravity, Columbia College Chicago, 2003*)

– **Paul Hoover**

Nhà thơ Mỹ, Giáo sư khoa Viết Văn,
San Francisco State University,

Đồng Chủ biên tạp chí *New American Writing*

Người về

Gấu nhó, trong *Gulag*, có một đoạn Solz tả, về cái cảm giác giữa những người đã từng ở Gulag, và sau đó, được trả về đời. Họ nhận ra nhau ngay, giữa phố đông người. Chỉ ánh mắt gặp nhau, là biết liền đằng ấy và tổ đã từng ở trong đó.

Gấu mê nhất câu *Một năm sau còn nghẹn giữa cuộc vui*.

Nhưng cũng lạ nhất, tò mò nhất, là cái thời gian “một năm sau”.

Bài thơ của Hoàng Hưng, như được biết, là một trong 100 bài thơ hay. Không hiểu thi sĩ có tiên tri ra được cái sự bí nhiệm của con số hay không, nhưng có vẻ như ông rất quan tâm đến nó, chỉ để “đếm” thời gian: Vợ khóc “một” đêm con lạ “một” ngày. Một năm sau còn nghẹn giữa cuộc vui, hai năm sau còn toát mồ hôi. Năm năm, mười năm... một hôm, một đêm... Liệu tất cả những cân đo đong đếm đó, là để quy chiếu về câu: *Nhất nhật tại tù thiên thu tại ngoại?*

Câu này, lại trở thành một ẩn dụ, nếu so cảnh tại ngoại của ông, như được miêu tả trong bài thơ: Có vẻ như cái cảnh trở về đời kia vẫn chỉ là tù trong tù. Tuy nhiên, khi đọc như thế, có vẻ như hạ thấp bài thơ. Bài thơ Hoàng Hưng bảnh hơn cách đọc đó nhiều. Có cái vẻ thanh thoát, vượt lên trên tất cả của nhà thơ. Đây cũng là điều nhân loại tìm đọc *Gulag* của Solz: Cái thái độ đạo đức, nhân bản của tác phẩm và của tác giả, mới bảnh làm sao.

Câu thơ *Mười năm còn quen ngồi một mình trong bóng tối* làm nhớ một chi tiết về một nhà thơ trong nhóm Nhân Văn, hình như là Trần Dần, ông quen ngồi một mình đến

nổi bóng in lên tường, thành một cái vệt, thời gian không làm sao xóa mờ. Nếu như thế, một người quen ngồi một mình trong bóng tối, cái bóng của người đó in lên tường mới khùng khiếp làm sao. Không ai có thể nhìn thấy nó, để mà hỏi thử, thời gian, khi nào xóa mờ!

– **Nguyễn Quốc Trụ**
Nhà văn hiện sống tại Hoa Kỳ
Nguồn: Tin Văn Blog

Người về

Câu đầu của bài thơ: *Người về từ côi ấy*. Côi ấy là đâu mà nhắc lại tới ba lần. Tự nhiên, trong tâm trí, người đọc cứ phải lần mò mà đoán lấy. Mới đầu đã ngỡ ngỡ, rồi mơ hồ nhận ra. Mỗi chi tiết một rõ. Đến ý thơ cuối thì khẳng định. Không những khẳng định được *côi ấy* là đâu, mà còn cho thấy cái tính chất ghê gớm kinh hoàng của *côi ấy*. Nói mà như không nói, tả mà như không tả. Tất cả hiện ra từ tâm trạng *người về*. Người ấy không giải bày mà tâm trạng tự hiện lên dần qua từng chi tiết. Chi tiết đặc địa. Diễn đạt gọn sắc. Ngôn ngữ cô đúc, đối chọi. Rất hàm súc.

Người về từ côi ấy
Vợ khóc một đêm, con lạ một ngày

Vợ thì khóc, con thì lạ. Sao thế? Thì thử đoán xem *côi ấy* phải là côi nào. Vợ khóc một đêm, con lạ một ngày. Chi tiết đêm, ngày và đều chỉ là *một*. Thêm *một* nữa thôi để tiến biệt vĩnh viễn cái chặng vừa đi qua. Ngày mai sang chặng khác. Câu thơ tám chữ, tách đôi thành bốn chữ

cặp díp, chứa ba cặp ý sóng đôi nhau: *vợ-con, khóc-lạ, một đêm-một ngày* đủ cho thấy tâm trạng mọi thành viên một gia đình. Ngôn ngữ không thể gọn hơn mà diễn tả đúng nỗi lòng vợ con đến thế quả là một quan sát già dặn. Nhưng kinh ngạc hơn là từ nỗi thông hiểu lòng vợ con ấy cho ta thấy sự sâu sắc trong cõi lòng *người về*. Anh hiểu nỗi chịu đựng của vợ và sự ngây thơ đến cay đắng của con không chỉ ở khoảnh khắc gặp mặt ấy mà còn ở cả những tháng ngày đằng đẵng khi anh vắng mặt. Thơ hiện đại mà hàm súc như cổ thi.

Ba lần nhắc *Người về từ cõi ấy* là ba lần quan sát phản ứng người mình gặp. Vợ con rồi, bây giờ đến người quen:

Bước vào cửa người quen tái mặt

Sao mà phải tái mặt. Chắc bạn đọc thêm căn cứ để đoán ra cái *cõi ấy* của một thời hoặc một sách vở nào. Sau người quen, đến người không quen:

Giữa phố đông người nhồn nhột sau gáy

Hình như có cặp mắt nào đang kín đáo dõi theo mình từ phía sau. Không dám quay lại nhưng linh cảm thấy rõ lắm nên mới nhồn nhột Cảm giác *nhồn nhột sau gáy* là một phản xạ có điều kiện. Kiểu như người đã một lần ăn khế chua, sau chỉ nghe nói tiếng *khế* đã thấy tứa nước miếng. Kỳ thực đâu có khế, cũng như chẳng có ai dõi nhìn anh cả. Nhân vật nhầm nhưng tác giả không nhầm, ông đã tả thành công nỗi ám ảnh sợ hãi của *người về*.

Ba điệp khúc, sáu câu ấy là một mảng ý. Mảng ý thứ hai là bốn nỗi ám ảnh trải theo thời gian, *một năm, hai năm, ba năm, mười năm* với bốn chi tiết, tinh vi đến lạnh người:

*Một năm sau còn ghen giữa cuộc vui
Hai năm còn mộng toát mồ hôi
Ba năm còn nhớ một con thạch thùng
Mười năm còn quen ngồi một mình trong tối*

Một, hai, ba rồi nhảy vọt lên mười mà cái chữ *còn* vẫn những nhặng theo sau. Cái ám ảnh của *cõi ấy* khéo phủ lên cả đời người. Những chi tiết *ghen giữa cuộc vui, mộng toát mồ hôi, nhớ một con thạch thùng, quen ngồi một mình trong tối* là những chi tiết nội tâm, cho thấy một thân phận, một nỗi khủng khiếp, một sự cô đơn.

Bốn câu thơ cuối thuộc mảng ý thứ ba: nỗi sợ. Bất cứ lúc nào cũng nơm nớp. Một hôm nào đấy thấy có ai nhìn, một đêm nào đấy thấy có ai hỏi. Nhìn thì *trân trời*. Hỏi thì bâng quơ nên mới làm anh chột dạ. Bạn đọc ngỡ rằng cái nhìn, cái hỏi này vốn tự nhiên bình thường, nhưng với *người về*, có lẽ thần hồn nát thần tính, nên mới thấy nó *trân trời* và có vẻ bâng quơ như cạm bẫy. Ý thơ cuối cùng khẳng định nỗi ngờ ngợ của người đọc là có lý. Chỉ một cái vớ vai vu vợ mà anh chàng giật thót người.

Tội nghiệp quá. Kinh sợ quá. Bút pháp tả tâm trạng ở bài thơ này thật tài. Nói bóng mà ra hình, tả tình mà ra việc. Không chất chứa trong lòng, không hiện ra ngoài bút được như thế.

(email gửi Hoàng Hưng, 6/2007)

– **Vũ Quần Phương**

Nhà thơ, nhà phê bình thơ, Hà Nội

*A Man Returning Home*¹

Tôi xếp bài thơ này vào hồ sơ “Những bài thơ âm mộ” vì tôi mê cái cách sử dụng trạng thái nghiêng của nó. Tôi yêu lối bất an của cuộc sống người đàn ông này dường như đồng thời tăng tiến và giảm đi với cường độ lớn. Cái “tiếng bâng quơ hời” có thể sẽ dường như bớt đe dọa hơn nếu như nó đến sớm hơn trong bài thơ, như sau câu thơ nói về các con ông ta chẳng hạn. Nhưng ở đây, đến cuối bài thơ, khi chúng ta thấy được những sự bất an về thể xác như “một cái võ vai” khiến ông hoảng hốt đến thế, thì tiếng nói kia trở nên đáng lo ngại không thể tin nổi. Tiếng nói ấy đòi ông làm gì vậy? Dòng thơ ngắt sau cái giật mình đặc biệt có hiệu quả ở chỗ sự “giật mình” đến liền sau sự đe dọa của những câu hỏi. Bây giờ cái ý người đàn ông giật mình dường như báo động một cách khủng khiếp, và mặc dù chúng ta lẽ ra được trấn an vì thật ra ông ta giật mình chỉ vì một sự nhỏ nhặt như thế, thì cuối cùng sự đe dọa của “một cái võ vai” lại tăng lên chứ không mất đi. Tôi cũng yêu cái từ không xác định “cõi ấy” và việc từ này được viết hoa và in nghiêng trong bản dịch (*That*). Hoàng Hưng đã cho người đọc quyết định người đàn ông này trở về từ chỗ nào. Tôi có những phỏng đoán của mình, nhưng câu trả lời chính xác cho “cõi ấy” có thể ít ý nghĩa hơn nhiều so với câu trả lời mà chúng ta có được về những gì “cõi ấy” đã gây ra cho người đàn ông. Và với những chi tiết dồn dập trong bài thơ, nỗi khiếp hãi cái “cõi ấy” có thể ngày càng dồn sức nặng theo sự tiến triển của bài thơ.

Hãy xem xét cái cách những sự lựa chọn phản ánh những âu lo. Hay là hãy xem cái cách những âu lo phản

ánh những lựa chọn. Có gì khác nhau giữa hai cái?

– **Camille Dungy**

Nhà thơ (nữ) Mỹ, Giáo sư khoa Viết Văn,
San Francisco State University

Nguồn: poetryfoundation.org/harriet/2009/07

¹ Bản tiếng Anh do Nguyễn Đỗ & Paul Hoover dịch (*Black Dog & Black Night, Contemporary Vietnamese Poetry*, Milkweed Editions 2008).

Tôi đã ứa nước mắt, do một câu thơ Hoàng Hưng hay đến
sững sờ, đến ngỡ ngàng:

*Anh đánh mất mùi anh trên những sàn đá lạ
Chỉ còn mưa mùi nước mắt đêm*

Chẳng biết cái gì đã thúc đẩy anh vào một cái rãnh chật,
cạn nước chỉ còn bùn. Anh quẫy cựa. Anh sã cánh, tôi tả
hết lông cánh như bị nhốt trong cái lồng bê tông vài mét
khối. Anh thắm thía nông nỗi ấy đến:

*Ba năm còn nhớ một con thạch thùng
Mười năm còn quen ngồi một mình trong tối*

Một tập thơ căng mọng sự thật. Mỗi chữ mỗi dòng đều từ
sự thật mà ứa ra, bật ra, bung ra. Những con chữ vỡ, nổ...

Đó là nỗi trần trọc, bản khoán, day dứt vào nửa cuối
thế kỷ XX mà sau hai cuộc tổng chiến khủng khiếp, tưởng
là sau những Postdam, những Nuremberg, Paris, những
Genève... sẽ yên ổn cả, hoá ra... Chao ôi!

... Nỗi quặn quại của đời anh, ngòi bút anh đang nói
với chúng ta đôi điều mới lạ về số phận con người.

(Trích từ bài viết “Hoàng Hưng đi tìm mặt”)

– **Hoàng Cẩm** (1922-2010)
Nhà thơ, nguyên BTV *Nhân Văn – Giai Phẩm*
Nguồn: *Báo Văn Nghệ*, 1994

Bài thơ như sự chùng cất toàn bộ kinh nghiệm, ấn tượng, cảm xúc của cả một phần đời trong thời gian và không gian của chính tác giả, và hẳn không chỉ riêng tác giả. Cuộc đời dẫu bất cứ lúc nào, quả chẳng bao giờ hết được những chuyện bất an, và bất an đâu phải chỉ là ngã cầu thang, đâm xe máy, đâm đồ, bị xin đũa, hoặc trấn lột... mà còn biết bao ám ảnh khác trong đời sống tinh thần. Tôi hiểu vì sao Chủ nghĩa hiện đại, cái *Modernisme* mà ta kinh sợ và phê phán gay gắt non nửa thế kỷ, vẫn cứ là một hiện tượng thế giới; và những người không tên trong *Mê cung* của Alain Robbe Grillet, *Người xa lạ* của Albert Camus, hoặc nhân vật chỉ có tên K. trong *Vụ án* của Franz Kafka sống trong những âu lo, thảng thốt, không biết thân phận của mình sẽ ra sao trong bao hiểm họa vô hình, lại nói được bao vấn đề lớn lao và nghiêm chỉnh của thế kỷ.

(Trích từ bài “Thơ đến với người và thơ đi tìm mình”

Văn học trong hành trình tinh thần của con người,
NXB Lao Động, 1994)

– **Phong Lê**
Giáo sư Viện trưởng Viện Văn học

Trong thế giới thơ Hoàng Hưng, một đôi bài chỉ đơn giản là sự chất lọc ám ảnh đời mình thành sợi tơ vàng sáng tạo. Con kén quặn quại trong tinh thần ông là những câu hỏi không có điểm dừng với đời sống, với thân phận. Một trong những bài thơ được yêu mến nhất của Hoàng Hưng trong tập *Người đi tìm mặt* cũng nằm trong dòng chảy ám ảnh kỳ lạ đó:

*Người về từ cõi ấy
Vợ khóc một đêm, con lạ một ngày
(Người về)*

Bài thơ đã lấy đi nhiều giấy mực của văn giới. Nhà thơ cũng tâm sự: Bạn đọc trong và ngoài nước chia sẻ với ông rằng, bài thơ có thân phận của nhiều con người ở nhiều xứ sở khác nhau, bài thơ là nỗi bất an của thời đại. Dày đặc hơn nỗi cô đơn, cao rộng hơn nỗi tủi buồn, bài thơ không dừng lại ở tâm tình số phận. Nó là cái gì sâu hơn cảm xúc; cái tứ thơ này, nói như Hoài Thanh bàn về thơ Hàn Mặc Tử, khen hay chê cũng đều nhấn tâm. Bởi đó chính là những nỗi niềm sống trải của nhà thơ đột ngột lên tiếng từ một chuyến đi kỳ lạ đau đớn của cuộc đời. Tù đày, hay hơn thế nữa, cũng neo đậu lại nơi tâm hồn con người vết thương của tồn tại, vết thương ở xứ loài người.

(Trích từ bài “Hành trình tinh thần của một nhà thơ”)

– **Lê Thị Thanh Tâm**

Tiến sĩ Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn TPHCM

Nguồn: talawas.org 2010

... Bài thơ sử dụng thủ pháp giản lược tối đa. Văn bản không cho ta biết gì về “người về” cũng như “cõi ấy” trước cái thời điểm được kể. Đó là một khoảng trống. Nhưng nó chi phối tuyệt đối đến đời sống và cảm giác sống của con người sau đó: Có một cuộc đời bị cắt đôi vĩnh viễn sau thời điểm ấy. Bản thân “người về” là một nỗi ám ảnh tàn khốc, với người khác (vợ khóc, con lạ, người quen tái mặt), với chính anh ta (giữa phố đông nhộn nhọt sau gáy, nghẹn giữa cuộc vui, nhớ một con thạch thùng, quen ngồi một mình trong tối...) Nỗi ám ảnh thường trực về sự bất trắc và phi lí của đời sống biến con người thành địa ngục của chính mình. Điệp khúc “người về từ cõi ấy” lặp lại đến ba lần, đóng đinh vĩnh viễn anh ta trong cảm thức thân phận “kẻ xa lạ”. Nhịp điệu chậm rãi mà dồn nén của những con số thời gian: một năm/ hai năm/ ba năm/ mười năm chỉ làm nhọn sắc thêm tính chất bi kịch của chi tiết kết thúc: Giật mình/ Một cái vồ vai. Tính chất phiếm chỉ của hình tượng người về và cõi ấy, sự giản lược và sắc gọn của những chi tiết, sự đối lập giữa giọng điệu trần thuật trầm tĩnh, rành rọt và trạng thái đời sống bi đát được diễn tả... Tất cả đã đưa *Người về* giã từ việc tả thực để trở thành một biểu tượng.

*(Trích từ bài viết “Hoàng Hưng,
Một vương phòng, một thế giới”)*

– **Lê Hồ Quang**

Tiến sĩ, Đại học Sư phạm Vinh
Nguồn: Tạp chí Thơ, Hà Nội 2010

Giọng điệu trong một bài thơ là mối quan hệ giữa người nói và người nghe, người viết và người đọc, và là ngôn ngữ thân xác. Thơ Hoàng Hưng có những mẫu như đối thoại, như tâm tình giữa hai người, hay như tranh luận. Như thế gọi là phong cách (gesture), một nghệ thuật biểu hiện. Bối cảnh là căn phòng, căn nhà riêng tư của hai người, một đêm mưa như trút. Bối cảnh là chia tay và đoàn tụ. Động lực của nó là sợ hãi, lo âu, vui mừng đoàn tụ, tình yêu, và cả tình dục, niềm vui tinh thần và niềm vui thể xác. Đụng chạm. Người nam, người nữ.

Đã một nghìn đêm mưa trắng đêm

Đến đây thì rõ là mưa không chỉ ngoài trời. Mưa rơi ngoài phố. Mưa rơi trong lòng ta. Như trong một bài thơ tiếng Pháp. Nhưng tác giả lại đưa ta đến với khung cảnh này:

Mưa mưa ngập tầng trệt

Đưa nhau lên gác xép nằm nghe mưa sập mái tôn

Thì là mưa thật. Có hai cơn mưa, của thời tiết và của tâm hồn, của bây giờ và của nghìn đêm. Một nghìn đêm, ba năm. Câu cuối là đặc trưng của Hoàng Hưng, lối kết thúc đặc biệt, ít người kịp chú ý.

Ước nằm nghe mưa rồi chết

Con đường dài, sự mỏi mệt. Sự vừa đủ. Hạnh phúc. Nỗi bi quan. Sự đề kháng bay bổng. Thơ không làm con người trở nên tốt đẹp hơn; thơ chỉ dạy họ mơ ước trở nên tốt đẹp hơn.

(Trích từ bài “Hoàng Hưng, người về”)

– **Nguyễn Đức Tùng**

Nhà thơ, dịch giả, nhà phê bình thơ, Canada

Nguồn: vanviet.info, 2017

Tiểu sử nhà thơ Hoàng Hưng

Sinh năm 1942 tại Hưng Yên. Tên khai sinh Hoàng Thụy Hưng, con thứ sáu của ông Hoàng Thụy Ba, một trong những bác sĩ y khoa đầu tiên của Đông Dương tốt nghiệp tại Pháp. Tốt nghiệp Khoa Văn Đại học Sư phạm Hà Nội. Dạy học rồi làm báo. Chuyển vào Sài Gòn sống từ 1977. Bị bắt và tập trung cải tạo (từ tháng 8/1982 đến hết tháng 10/1985) vì cầm tập bản thảo *Về Kinh Bắc* của Hoàng Cầm và cất giữ những phác thảo thơ “phản động” của mình trong nhật ký. Trở lại nghề báo năm 1987, về hưu năm 2003, viết bài và biên tập các trang mạng *talawas.org*, *Bauxite Vietnam*, năm 2014 đồng sáng lập Ban Vận động Văn đoàn Độc lập Việt Nam và trang mạng *vanviet.info*.

Hiện sống tại Sài Gòn, Việt Nam.

Các tác phẩm Thơ đã công bố:

- *Đất nằng* (in chung với Trang Nghi) (1970);
- *Ngựa biển* (1988);
- *Người đi tìm mặt* (1994);

- *Hành trình* (2005);
- *Ác mộng* (online talawas.org) (2006);
- *36 bài thơ* (2008);
- *Thơ và các bài viết về Thơ Hoàng Hưng* (HHEBOOK) (2012);
- *Các bài viết về Thơ* (HHEBOOK) (2012);
- *Poetry & Memoirs* (International Poetry Library SF) (2012).

Thơ trong tuyển tập:

- *100 bài thơ hay Việt Nam thế kỷ XX* (NXB Giáo Dục, Hà Nội 2005);
- *Black Dog, Black Night – Contemporary Vietnamese Poetry*, (Milkweed Editions, 2008);
- *Tuyển tập 12 nhà thơ Việt Nam (bản dịch Thụy Điển)*, (Tranan, Stockholm, 2010).

Thơ dịch:

- *100 bài thơ tình thế giới* (chủ biên và cùng dịch) (1988);
- *Thơ Federico Garcia Lorca* (1988);
- *Thơ Pasternak* (cùng dịch với Nguyễn Đức Dương) (1988);
- *Thơ Apollinaire* (1997);
- *Các nhà thơ Pháp cuối thế kỷ XX* (2002);
- *15 nhà thơ Mỹ thế kỷ XX* (chủ xướng, tổ chức bản thảo và cùng dịch) (2004);
- *Thơ André Velter* (2006);
- *Thơ Thụy Điển* (cùng dịch) (2010);
- *Trường ca Aniara* (2012);

- *Thơ Allen Ginsberg* (chủ biên và cùng dịch, HHEBOOK) (2012);
- *Bài hát chính tôi – Walt Whitman* (2015).

Sắp ra mắt:

- *Trời đêm những vết thương xuyên thấu (Night Sky & Exit Wounds)*, Ocean Vương.



Phụ bản | Artwork by Manuel Casimiro
Tái tạo từ một bức tranh khắc gỗ của danh họa
Tây Ban Nha Francisco Goya [1746-1828]
Re-created from an engraved plate by the
Spanish master Francisco Goya [1746-1828]

Nightmares



Phụ bản | Artwork by Hoàng Tường

Foreword

by Ellen Bass

As a poet, journalist, and translator, Hoang Hung has long been an influential voice for freedom of expression. What a gift it is to hear him in *Nightmares*, the first full-length English translation of his prison poems.

So intimate and immediate is that voice, that when Hung goes through the “*tar-blackened iron door*”, we go with him. Hung’s descriptions of his surroundings are unsparing. “*Here is hell itself*”, he writes. Sleep is “*blood-colored*”, the sky, “*black and blue*.” We feel the cold of his cell, the longing for freedom and family.

The power in these poems lies in their complexity. Bitterness, anger and despair run through them, yet the poet remains attentive to the slenderest symbols of hope. The “*pinkish white, almost transparent*” lizards make love beside a prison lamp “*that radiates with the warmth of spring*.” In *The Young Girl Who Just Arrived*, the poet

affirms his compassion when he hears a fellow prisoner singing in Chinese.

*My home is far away
Your home is even farther
Our homeward road to which we are both blind
Well then, let us sing together.*

This collection is aptly named, full of nightmares that continue even after the prisoner is released.

*There are days when someone stares at him
There are nights when fluttering voices question him.
A pat on the shoulder
startles him.*

Yet *Nightmares* is also an act of witness. Hung exposes, through his own story, the suffering of countless others under repressive regimes. His is the voice of dissident writers everywhere – honest, brave, and indispensable.

– **Ellen Bass**

American poet and co-author of *The Courage to Heal*,
Chancellor of the Academy of American Poets

Entering

Entering

The tar-blackened iron door
slamming behind my back
suddenly bursts out an uproarious noise
blustering and bawling
like a monstrous cauldron of boiling oil.

All the shaven heads
bobbing along my steady steps
all the black skeletons
emanating the nauseous smell of corpses.

Ah! Here is hell itself
already I start my dreadful infernal existence
so easy it seems
just a single step, a split second
across this heinous door
human existence just vanishes.

“Take off all your fucking clothes!”
Startled by the bullying shriek
I almost jump.

Aug. 17, 1982

(Translated by Trịnh Y Thut)

A Weakened Heart

The First Meal

Chewing some dry rice under the hot blazing sun
so hard to gulp down
it seemed stuck in my mouth.

Be quick or someone will scold you
urged my cell-mate out of kindness.

All of a sudden I would have felt like choking
with my tears falling down.

From now on my fate forever damned
the shocking news must have arrived

How grievous my family must have felt
all darkened before me
the rice bowl came crashing down.

(Translated by Trịnh Y Thut)

Late Afternoon

Casting its long shadow the imposing wall
In bewilderment to whom the bird calls
The prison, late afternoon seems endless
Unconcerned, water from the pipe does free fall.

(Translated by Trịnh Y Thut)

In My Dream My Children Are Lost

At midnight in my dream my children are lost
A startling bawl,
 tears falling down on my prison uniform
Hopelessly baffled,
 unable to distinguish
 between dream and reality
My eyes wide open to a tormented heart.
Half a life, everything is gone
Only my descendants remain in thousand years.
Oh God! Please do not harm each other
All the miseries of this life I endure
Do not snatch the love from my hands
Let me live the remains of the yearning days.

(Translated by Trịnh Y Thu)

When

The little lizard making
 the staccato sound high above
Buried under the weight of the night
 the cold cell trembling
At this moment my house already lighted
Around the dinner table
 perhaps the missing one
 no longer something unusual and odd.
I could hear the scolding and the laughter
 as my little boy messing up the rice pot.
Oh! How much I miss them!

How much longer
 must I go through this misery
How much longer
 before I could see my boy playing.
All I could do now
 is to cover myself with the filthy blanket
 and wait for the dream to take me home.

(Translated by Trịnh Y Thu)

The Godforsaken Land

Midnight entered my kid brother, the whole whitish
childhood appeared

Midnight entered my mother, gone without uttering
a sound

This is the godforsaken land
To sleep is to live with the dead
To awake is to die silently
On the cold cement floor, witnesses are those little lizards.

(Translated by Trĩnh Y Thũt)

I swiftly walked away with my head dropping low
whispering to you please don't wait for me.

I now returned to my dreadful world.

You are just my dream
above the deep burial site.

(Translated by Trinh Y Thu)

Anti-World

White Night

The savage pale-eyed killer
Mournfully sings a *vong co*¹ song
The fake medicine maker
Picks up each grain of stale rice with trembling hands
The thief boy at *Hang Co*² station
Cackles while strangling a child rapist
Three drug traffickers
Sit and watch the former Party secretary dance.

Come look
Inside the prison toilet
The wedding of the crooked-legged man and the lame one
Come and see
Two robbers
Catching head lice for each other.

Oh! Terrifying night
Where am I?
Not a wink of sleep all night waiting for sunrise.

On the cement floor are piles of fallen scabies scales.

(Translated by Nguyễn Đức Tùng)

¹ A Vietnamese traditional folk musical air originating from the South.

² Central railway station in Hanoi.

Calling (Flashed Vision No. 4)

Midnight heard my calling. Calling on the sound of some motorbikes on the street, calling on the wind, calling on a certain aroma, calling aimlessly on the winged creature spreading two meters in the air beaten by the howling wind under the blurred dreadful sky. I call out in the heart of the night. My hair like a rag my temples so tense as I keep calling. Ah hah! I jump. I grind my teeth. I masturbate. I blow out the 100-watt light. I close my eyes and dream away. In the narrow landing, the sound of water poured down by a woman, a fresh onion bulb. That's it! No! No! No! I'm so fed up. Fed up with roll calls. Fed up with the fucking lice. Fed up with shouting my prison ID number. Midnight heard my calling, only to be echoed inside the grave. Freedom! Where are you?

(Translated by Trịnh Y Thu)

Pieces of a Dream (Flashed Vision No. 5)

Running frenetically the soil in the field seems so red,
sparkled the iron rods, rain of blood pouring down. The
little boy reaches out his hand to the stone dog. Scraping
the head, lamenting endlessly. A soul frightened.

Black birds completely cover the front of the cathedral.
An old wizard frying the buns. The stream bickering
along yellow blossoms. Fish eyes wide open inside the
enormous net.

Oh! My love, in my dream I see you naked lying in that
dark corner. Above the high tower, the distant moon
shines in the limpid sky. On the writhing seashore, a
dancer seen whirling. Without a single word, you lock
the deserted house from the inside then hand-in-hand we
walk to infinity. During a solar eclipse, seven suns spin
like crazy. With no refuge in sight for us in the middle
of the field, the wind starts blowing hard.

(Translated by Trinh Y Thut)

Flashed Vision No. 6

The mind tries so hard to emerge from the bottom of the shaking grave. Completely shut, in bewilderment, fuzzed. The glittering ancient golden color takes on a rhythm. How desolate.

The shattering body, the fractured singing voice of the blithering idiot with crazy facial hair. Curling myself up, I can hear the sound of the iron door shut, choked, oh, how dreary it must be.

Within the row of cells full of obscure faces, my calls and cries are just babbles as I scrape onto the wall of the immense night trying to look into the heart of humanity. On my knees, I burst out crying, but my eyes are all dried up.

(Translated by Trịnh Y Thu)

At Noon

– After a faraway earthquake.

Over my wide shiny chest clouds gather, making me thirsty
Trees and rocks falling, walls on four sides tottering.
Who is calling from far away.

Wait for me!
Wait for me to explode!

(Translated by Nguyễn Đức Tùng)

The Catappa¹ Leaf

Somber eyes silently
Watch through a door crack
When will the last catappa leaf fall?

It will fall tonight
When the north-easterly wind blows
No. It will persistently hang onto the branch
As long lasting as our life full of suffering.

In our blood-colored sleep
The catappa leaf is immense
When we wake, the leaf is no more
The sky is black and blue.

Suddenly shivering and exhausted
As if bleeding to the very last drop.

(Translated by Nguyễn Đức Tùng)

¹ *Terminalia catappa*, a large tropical tree, common in Northern Viet Nam.

The Death

The lice have abandoned you
 you died last night
 mouth whitened by toothpaste.

People warned you all the time
Don't eat toothpaste even when you're starving.

Your five-foot six-inch body
 there remained only a piece of stinking fetid rag.

Oh well! All gone!
 All your old scores were settled.

Here come the hungry flies.

(Translated by Trinh Y Thut)

Disheartened

As if there is only one last resentment
To analyze the smell of the moldy corridors.

As if there is only one last risk to take
To look over the roof covered by interlacing barbed wires.

As if there is only one last delight
To reminisce about strange patched-up dreams.

As if there is only one last wish
To see the face of the person chatting on the other side
of the wall.

As if there is only one last prayer
In the next life, let there be no taste of freedom.

(Translated by Nguyễn Đức Tùng)

Twilight of the Last Day of the Year (Flashed Vision No. 7)

Twilight invades my soul inside the grave gloominess
overwhelms all around steel teeth stone teeth teetering
tottering. Ah! So heavy the ceiling so thick the wall.
What else? Bed bugs biting mosquitoes flying lizard
thrusting out its tongue. Birds don't alight on the barbed-
wire net leaving me here all alone hopelessly looking at
the sky. I throw my head against the steel door I stomp
my feet on the cement floor I am here for centuries to
eat to piss to shit to lie to sit in the twilight of a winter
evening that murders the sky by cutting its throat and
making choking sounds. Ah! My hand is completely
smashed by its own fortune lines!

(Translated by Trịnh Y Thut)

Thakthoong, The Little Lizards
(Flashed Vision No. 8)

As I watch a couple of little lizards on the ceiling of my cell, near the lamp that turns them pinkish white, almost transparent. They wouldn't know they are inside a jail. They wouldn't give a damn about a man who lies day and night on his back to watch them naked, making love to each other. They don't know that tonight is a winter cutting night. Pinkish white, almost transparent, they silently making love to each other beside the lamp that radiates with the warmth of spring. The prison lamp.

Only if human could be nude with no shame. Only if human could innocently make love to each other under the sun. Like you. Perhaps then, prisons don't exist at all. Is that true, thakthoong, the little lizards?

—*Thak. Thoong!*

(Translated by *Trịnh Y Thut*)

Behind The Seven Walls

Behind the seven walls
There is a small ditch
With the earthy scent of a rainy afternoon
There is a village road
Dazed with purple chinaberry flowers.

Behind the seven walls
The sound of laughter whips through
A crispy afternoon.

Behind the seven walls
Someone night after night
With his eyes wide open
Listens to the rolling thunder.

One day
A chinaberry petal
Flutters in to visit him
Stunned, he
Picks up the flower petal.

The story is just that
Behind the seven walls.

(Translated by Nguyễn Đức Tùng)

Midnight

Startled awake every midnight
By a deep voice that moans
Always just one line:
God, please save me!

From the bowels of the earth it emerged?
From the sky it poured out?
Passing through seven walls
From which world did it echo?

Startled awake, everyone listens
Then one after another lie back down
Some continue to snore
Some toss and turn
Some weep softly.

I keep sitting there, arms clasping my knees
The singing echoes from my chest down to my feet
From my feet up to my head
Reverberating dully in my hair
Just that one line:
God, please save me!

Just that one line
At midnight
The earth turns over in the middle of the pitch-black sky.

(Translated by Nguyễn Đức Tùng)

An Ordinary Day

– *Remembering the young prisoner couple at T.L.*¹

The morning filled with clanking noise
You bustle about with glass and jar
Starting a new day all together
Hello there, my invisible neighbor girl!

Door opened
Toilet bowl exchanged
Door closed
Door opened again
Going for interrogation
Between questions and answers
The game of hide-and-seek
Of cat-and-mouse
Unable to suppress the invisible shadow.

Back to the cell
Door opened
Door closed
Door opened again
Meal time
Door closed
Clanking the bowls with chopsticks
We both share the prison meals separated by the thick wall.

The sound of dish-washing now subsided,
here comes the hushed sacred moment before your bath

Water gurgling as you rub your body so softly as if
being shy
My breath stops as my body changes from fire to frozen
then back
A bird suddenly flies off I know you're hanging your
clothes.

Then the door opened.
Time for writing self-declarations.
Paper as empty as a desert
Words dragging like an over-loaded camel
Lingering the haunted invisible shadow
Again back to the cell
Door opened
Door closed
Door opened again
Meal time
Door closed
Clanking the bowls with chopsticks
Again we share the prison meals separated by the
thick wall.

Finally, here comes the suspense of waiting for darkness
It's time for Holy Communion, it's our time
Let me knock first, "knock knock knock"
Then you knock, "knock knock knock"
Me: "knock knock – knock knock knock"
You: "knock knock – knock knock knock"
Then I rub on the wall, "swat swat"
You: "swat swat"
Me: "swat swat swat"

You: “swat swat swat”

The wordless signals never stop, accelerating, intertwining
uncontrollably

The wall burns up

The night burns up

Fragments of the night sky falling down

Scattering

Crumbling

The sob of despair at midnight

Is your identity mark.

(Translated by Trịnh Y Thu)

¹ Interrogation Center, Department of Interior, located at Thanh Liet, near Hanoi, nick-named “Xà lim Bộ” or “Department’s Prison Cells”.

The Young Girl Who Just Arrived

From where did you come?
From which cell row did you appear?
Of what crime are you guilty?
How long have you been here?

No answer.

After a while, you sing
Chinese songs
Chinese language that I have long forgotten.

There is a warden
Who talks to you
Saying that your beans have sprouted
Telling you to comb lice out of your hair
Each day.

After awhile, you begin
Asking the heavens nonsensical questions
Then you answer yourself
Then again you sing to yourself
The Chinese songs.

My home is far away
Your home is even farther
Our homeward road to which we are both blind
Well then, let us sing together.

I have long forgotten the Chinese language
But the Chinese songs I remember

I sing it until exhaustion, and only then I sleep

In the middle of the night I suddenly awake
To the sounds of whispering cries.

I sit as stiff as death
Surrounded on four sides by towering walls.

(Translated by Nguyễn Đức Tùng)

Running

Running by myself
In the dark
Running with knees flying high
Running until my loneliness perspires as sweat
Running until my fear is forgotten
The salty sweat
Fizzing and wheezing between my teeth.
Running by myself
The illusion thus created
That I'm still alive
I hear the sound
Of my feet
On the cement floor.
Running by myself
My knees shaking
Running from hunger
Till all the salt is gone.
Running by myself
Can't even drag my feet
Running on the mountain peak
My feet are shattered
Running in the mud
My feet are bound.
Running by myself
In the dark
I'm forgotten
By the whole damn world.

The earth is sleeping
I'm all alone
Running at the same spot
Thump thump thump
My heart beating
Who will listen? Who?
Who is coming in to bite my neck?
Who is coming in to kick me tumbling down?
Ignoring them all
I close my eyes and
Keep running with my knees flying high.

(Translated by Trịnh Y Thu)

Dream Interpretation

Rainbow

1.

Petrified and astounded
I clutch your hand.
No! I will not cross under it!
Since once I cross it
There will be no return.

2.

Rainbow blocks the rains
Rainbow blocks the dreams
Rainbow leads
To the somber sky.

3.

Onto the short rainbow
Precariously I climb
Only half way to the sky
I tumble down.

4.

*“If you want to keep your head, stand on the bridge
Getting close, hold on to your head.”¹*

Lest until the day I die

I still can't analyze and understand this dream.

(Translated by Trịnh Y Thut)

¹ Verbatim words of a Buddhist nun advising me in a dream during my detention at the “Department’s Prison Cells” – Xà lim Bộ.

Questioning The Stone House

Swallowing so many moans and cries
Why are you so mute?

Absorbing so many panting breaths
Why are you so cold?

Confining so many lives
Why are you so hard?

Harbouring so much hope
Why are you so gloomy?

This 20th Century Sphinx
Never answers.

(Translated by Nguyễn Đức Tùng)

In The Blink of an Eye

A narrow wall, a whole world
A moment of slumber, a whole life.

(Translated by Trịnh Y Thu)

Your Nightmares

This road you have passed
One side is an abyss, the other side a towering wall.

This mountain peak you have stood
With tied hands, you look at the white horse on the path
with no escape.

Having exhausted yourself flying
You could not save me with your amulet.

So afraid that these dreams become reality
You dare not sleep, eyes bright as a lamp
What to do to apprehend misfortune beforehand
Or do heavens mete out suffering so one becomes used
to it?

When will your nightmares end?
When will your nightmares dissipate into the dark?
When will your nightmares remain only nightmares
Of yours and of mine?

(Translated by Nguyễn Đức Tùng)

The Man Who Came Back

He who came back from *that* place
Found his wife weeping one night, his child a stranger
one day.

He who came back from *that* place
Stepped through the door, his friends blanching at his sight.

He who came back from *that* place
Stood in the heart of the city, feeling a tickle on the nape
of his neck.

A year later, he still chokes up in the midst of a party
Two years later, he still wakes up sweating from
nightmares
Three years later, the memory of a white lizard still
remains
Ten years later, he continues the habit of sitting alone in
the dark.

There are days when someone stares at him
There are nights when fluttering voices question him.

A pat on the shoulder
startles him.

(Translated by Nguyễn Đức Tùng)

The Black Dog and the Night

1.

A dog

A black dog

A black dog running in the night

In the warmish night, he growls.

2.

A black dog barking at the bloody plumeria flowers.

3.

A black dog looking up to the moon.

4.

A black dog whimpering incomprehensible sounds

Asking whose spirit is it that is wandering in the dark?

5.

I am so sad, doggy
Everyone has left me
Huffing and puffing, snout and lips are touched.

6.

A black dog seethes all night
Itches all over since his past life
Goes insane because he cannot speak.

(Translated by Nguyễn Đức Tùng)

Fever

I float and expand to the limits of space
I watch myself flying away from earth
What fever is this that I am shivering, ears ringing,
head spinning.

Your hand as cool as spring water
But my heart still so unsettled.

The sound of your steady voice a distant chanting
There was one previous lifetime that we did not fully
cultivate

Your eyes on the treetops
Following the karmic train
This lifetime I also fail
Is there any life left for me?

I startle awake, finding my pillow wet
As I feel for your presence.
The miserable day even extends to the night
You sit there still as a mountain, silent and sad.
I am still careening about impermanently
With raging quakes underneath my skin.
When will the fever subside
So that I may silently melt away into words.

(Translated by Nguyễn Đức Tùng)



Phụ bản | Artwork by Bùi Công Khánh

Appendix I

How My “Nightmares” were Created

Until now – when several of my poems have been translated and published in France and the USA, when I have got the right to travel out of Vietnam reading my poems – memories of those horrid days still haunted my hours in the form of sweating nightmares. In fact, thirty nine months in various jails and one “re-education camp” (between August, 1982 and October, 1985) were unbearable if there were no Poetry in this world. Yes, Poetry was my Guardian Angel in that “Season of Hell.”

In the prison, without any pen and paper, I had written down diaries in my mind, diaries in the form of verse lines. Several short poems had been created completely in a flashing moment, later I called them “fulguration poems.” Others were only drafts that would be finished some years after I was released. I had been back home a short time before the realization of the “Doi moi” (literally, the term

means “renewal”) policy of the Vietnamese authorities.

In the new political environment, I had a chance to publish some of those poems in my two poetry books *Sea Horse* (1988) and *The Man Searching His Own Face* (1994). They were warmly welcomed by readers and the literature milieu, but caused significant trouble for myself as well as my publisher, and the authorities henceforth paid a sharp vigilance to prevent the publication of the rest of my poetry.

In 2002, to commemorate my 60th birthday, my 40 years of devoting to Poetry and the 20th anniversary of my imprisonment, I selected 108 poems of mine (the number 108 is meaningful to Vietnamese: it is the number of the major stars that manifest the fate of every human being; the number of the most worshipped Buddhas; and also the number of the rebels-heroes in a Chinese classic novel that is very popular to Chinese and Vietnamese). I submitted them to two publishers at the same time. Both refused to publish them, it is mainly due to “Nightmares” – the 30 prison poems included in this collection.

The French poet Paul Eluard once wrote: “Any poem is poem of circumstance.” It is truly my case.

– **Hoang Hung**

*Foreword to the publication of Nightmares & Other Poems
Poetry & Memoirs by Hoang Hung, California, 2012*

Appendix II

Comments on Hoang Hung's Poems

...They (your poems) are all... individualistic.

(Hand-written letter to Hoang Hung, Feb. 18, 1997)

– **Allen Ginsberg**

Academy of Literature & Arts of America

Reading the translations of your own work, I am very moved by the insistent feelings of displacement and loss – it must be our whole world has come to that same bitterplace.

(Emailed message to Hoang Hung, July 12, 1997)

– **Robert Creeley**

Chancellor of the Academy of American Poets 1999

Hung's poems remind me of existential fictions. They happen strongly in time but there is also a timeless quality

to them. Many years are compacted within a single lyric poem of loss and suffering. The man who suffers has body and experiences, but he is, in another sense, a representative figure. I'm thinking of the novel *The Women in the Dunes* by the Japanese author Kobe Abe, in which a man slides down a cliff of sand one day while walking in a fog in a distant place. He now becomes the husband of one of many women of the dunes, whose job is eternally to sift the sands. In effect, he has found his own inexorable fate, from which no escape is possible (and finally perhaps not desirable). We are given painful worlds to live in. The heart's emergence is possible, despite having been buried for years (“*Smell of Rain*”); a touch on the shoulder may suddenly awaken us to the life that has been staring past us.

I know of no other poetry with which to compare Hung's. Under its cool, narrative surface, the poetry is very complex and emotional. Perhaps on the autobiographical level, Hung has felt exiled in his own country and removed from the circumstances of his own life and work.

(Gravity, Columbia College Chicago, 2003)

– **Paul Hoover**

Poet in residence, Columbia College Chicago,
Editor in Chief of *New American Writing*

Ce que j'aime, dans les textes de Hoang Hung, c'est qu'il restitue le réel objectif, extérieur, à travers le prisme de l'esprit, du réel intérieur, subjectif, onirique et sensible. Il y a donc dans ses poèmes des notations précises sur les objets, les lieux ou les événements mais elles nous sont

transmises amplifiées, déformées, corrigées par ce que vit
l'auteur et ce qui vibre en lui.

– **Marie Etienne**

French Poet, Editor of *Aujourd'hui Poeme*

I placed this poem [*A Man Returning Home*] in my “Admired Poems” file because I was enamored of its use of the list. I love the way the discomforts of this man’s life seem to simultaneously increase and decrease in magnitude. The “aimless voice ask[ing] questions” might have seemed less daunting had it come earlier in the poem, next to the mention of his kids for instance. But here at the end of the poem, when we find that physical comforts like “a touch to his shoulder” frighten him so, this voice becomes incredibly worrisome. What is the voice asking him to do? The line break after jumps is particularly effective given that the line “He jumps” comes in such proximity to the menace of those questions. Now the idea of the man jumping seems terribly alarming, and though we ought to be calmed by the fact that he’s jumped at such a little thing, in the end the menace of the “touch to his shoulder” increases rather than dissipates. I also love the nonspecific word “That,” and how, in this version of the poem, the word is presented capitalized and in italics. Hoang Hung allows the reader to decide what it is this man has returned from. I have conjectures, but the specific answer to what “That” might be is significantly less interesting than the answers we get to what “That” has done to the man. As with the details accumulated in the poem, the horror of what “That” might be accrues weight as the poem progresses.

Consider the way choices reflect anxieties. Or, consider the way anxieties reflect choices. Is there any difference between the two? Now write a poem.

– **Camille Dungy**

American poetess, Professor at
San Francisco State University
poetryfoundation.org

A BIOPRAPHY OF HOANG HUNG

Hoang Hung was born in 1942 into one of the notable intellectual families of North Vietnam. His grandfather was the governor of Bac Giang, a large province. His father, Hoàng Thuy Ba, whose medical degree was from Academy of Paris, was one of the first doctors of medicine in Indochina to be trained in the West. Also educated in Paris, his uncle, Hoàng Tich Chu, was one of the founders of Vietnamese journalism.

Hoang Hung's propensity for poetry was revealed at age ten, when his own poems and those he had translated from French were published in the literature for children's page of a famous newspaper in Hanoi. After finishing high school, he served as a teacher in the impoverished northwest highlands of Vietnam. Two years later, he was admitted as a student to the Literature Department of Hanoi Teacher's College and won an important poetry prize sponsored by *Van Nghe* (Literature & Arts), the country's most prestigious literary magazine. In 1970, when he

was a high school teacher, his first poetry collection was published, the two-author volume *Dat nang* (The Sunlit Land). The poems of patriotic romanticism were loved by young people, and he became one of the most valued poets of the “anti-American War” generation.

After the failure of the North Vietnam army in the “Tet Mau Than” general offensive of 1968, Hoang Hung experienced dramatic disillusionment with the Communist Party’s leadership and what he had come to see as the false “socialist ideal” it was promoting. At the same time, he was eager to study modernist literature and art. As a result, he stopped writing poems for publication and began to create an individualistic, dissident poetry that he kept out of the public eye.

In 1973, Hoang Hung left teaching for a career in journalism. After the reunification of the country in 1975, he moved to Saigon. There he became increasingly influenced by modern literature of the West, especially American literature, which had been imported in great quantity during the U. S. occupation.

It was at this time that he entered into a major renewal of his poetics.

In August, 1982, Hoang Hung was arrested by the Hanoi police for possession of a Hoang Cam poetry manuscript that the famous dissident poet had given him. As a result of this and the discovery of his own dissident poetry in his Saigon home, he was accused of “reactionary” activities and imprisoned for 39 months without trial. It was a very hard time for his family. His wife, who was unemployed at that time, had to move heaven and earth to provide food for her two little children, her mother-in-law, and herself.

In November, 1985, shortly before the institution of “Renewal Policies” by the Vietnam Communist Party, Hoang Hung was released from prison. He returned to Saigon, renamed as Ho Chi Minh City, and, with the English language he had acquired in prison with the use of a dictionary and copies of Moscow News, began to make a living by translating works of literature and journalism. His first published translation was *The Jungle Book* by Rudyard Kipling. In 1988, he regained his job as a journalist. After working briefly for a variety of magazines, he became one of the founders of the weekly *Lao Dong Chu Nhat* (Sunday Labor) newspaper which soon became popular for its radical spirit. He was also editor and chief of the Culture Department of the daily newspaper *Lao Dong* (Labor News) that developed out of *Lao Dong Chu Nhat*.

Thanks to the open-mindedness of the “Renewal Policies” in their first phase, in 1988 and 1994 Hoang Hung was allowed to publish two books, *Ngua bien* (Sea Horse) and *Nguoi di tim mat* (The Man In Search of His Face). Both volumes contained old and new works. He also published essays on the modernization of Vietnamese poetry. The poems and essays were harshly criticized by the official press, but welcomed by young poets. Hoàng Hung became a symbol of the spirit of renewal in Vietnamese poetry. Nevertheless, his poetry so vexed cultural officials that he soon resigned his editorial post at *Lao Dong* in order to insure his poetry’s freedom of expression.

In 2006, even though his book of poetry, *Hanh trinh* (My Journey), won the prestigious Poetry Award

given by the Hanoi Writer's Association, his poems of imprisonment, *Ac mong* (Nightmares), could be published only on the Internet after being refused three times by the official publishing houses of Vietnam. Based in Berlin, talawas.org, a famous website of Vietnamese intellectuals, was the first to publish *Ac mong* in its entirety. Immediately thereafter, it appeared on Vietnamese language websites all over the world.

In 2005, one of his poems, *Nguoi ve* ("A Man Returning Home"), was selected for inclusion in the anthology, *100 Great Vietnamese Poems of the XX Century* (Education Publishing House, Hanoi).

Several of his poems have been published in translation in France (Europe magazine), the United States (*Poetry International*, *Seattle Review*, *New American Writing*, *Parthenon West*, and *Hayden Ferry Review*), in Sweden (Anthology of 12 Vietnamese Poets) and in other countries. Fifteen of his poems have been included in the anthology *Black Dog, Black Night: Contemporary Vietnamese Poetry*, published by Milkweed Editions of St. Paul, Minnesota, in January, 2008. The anthology's title is taken from a Hoang Hung poem. Two of his poems included in the anthology of world literature *LitFinder* by MacMillan Reference USA™ that is to be published soon.

In addition to writing his own poems, Hoang Hung has translated many works of modern poetry from other languages into Vietnamese. Authors translated include Arthur Rimbaud, Guillaume Apollinaire (France), Federico García Lorca (Spain), Boris Pasternak (Russia), Wallace Stevens, Allen Ginsberg, Robert Creeley, Charles Simic and Louise Gluck, Walt Whitman, Ocean Vuong (USA), Margaret Atwood (Canada), Harry Martinson,

Nelly Sachs (Sweden). He has been widely recognized as a poetry translator of significance. He is also known for acquainting Vietnamese readers with international developments in modern and post-modern poetry. In 1987, he won the Translation Award from the Vietnam Writer's Association for his book *Poems by Apollinaire*. In 2006 he won the Poetry Award from the Hanoi Writer's Association. He received grants from France's Ministry of Culture & Communication that provided him with translation residencies in Paris in 2000, 2009; a grant from Poetry Foundation USA in 2005 for reading poetry in San Francisco; a grant from OMI and Ford Foundation in 2008 for a translation residency in New York. He had published books of translation with funds from the French Embassy (*Poems by Apollinaire*, *Les Choses* by Georges Perec, *Poems by Andre Velter*) and the US Embassy (*15 American Poets of the XX Century*), *Aniara* by Harry Martinson (sponsored by the Ministry of Culture of Sweden). His recent translation works include: *Song of Myself* by Walt Whitman, *Night Sky with Exit Wounds* by Ocean Vuong.

He has been invited by Vietnamese and international cultural institutions to read his poems and to lecture on poetry & translation; they include Hanoi Teachers College, Hanoi Cultural College, Goethe Institute in Hanoi, the British Council in Hanoi, l'Espace (French Cultural Center in Hanoi), Paris 7 University in Paris, House of World Culture and Volsbuhne in Berlin, University of Washington in Seattle, Columbia College Chicago, San Francisco State University, UCLA, University of California Berkeley, the Pen International Asia-Pacific Conference, OMI International Writing

Residency (New York).

Retired since 2003 from his career as a journalist, Hoang Hung works as a free-lance writer, an advisor to the editor-in-chief of *Nguoi Do Thi* (The Urban) magazine in Hanoi, an important contributor to prestigious Vietnamese independent websites talawas.org (Berlin-based) and Bauxite Vietnam (Hanoi-based) that challenge the totalitarian regime. His writing focuses on innovative poetics on the one hand and on the other with freedom of expression and of the press in Vietnam. In 2014, Hoang Hung, with other Vietnamese writers, found the Committee for Promoting the Independent League of Vietnamese Writers and its website vanviet.info

Hoang Hung now lives in Ho Chi Minh City with his wife Nguyen Thi Muoi, a brave heart, who sacrifices her whole life for supporting her man and taking care of her two children. She has a contribution to the success of her daughter Hoàng Ly, a well-known poet and contemporary visual artist.

(Written by Paul Hoover, Prof. of San Francisco State University, 2008 & updated by Hoàng Hưng, 2018)

MỤC LỤC – TABLE OF CONTENTS

| | |
|--|----|
| Lời nhà xuất bản | 7 |
| Thay lời tựa | 11 |
| Đôi lời cho lần xuất bản song ngữ tại Hoa Kỳ, 2018 | 13 |

Ác mộng

| | |
|-----------------------------|----|
| Vào | 21 |
| Bữa cơm đầu tiên | 25 |
| Chiều | 26 |
| Mơ lạc mất con | 27 |
| Bao giờ | 28 |
| Sáng mông một Tết | 29 |
| Giã biệt | 31 |
| Đêm trắng | 35 |
| Gọi (Vụ hiện 4) | 36 |
| Những mảnh mộng (Vụ hiện 5) | 37 |
| Vụ hiện 6 | 38 |
| Buổi trưa | 39 |
| Chiếc lá bàng | 40 |
| Cái chết | 41 |
| Chán nản | 42 |

| | |
|-----------------------------|----|
| Chiều cuối năm (Vụt hiện 7) | 43 |
| Thạch thùng (Vụt hiện 8) | 44 |
| Cách bảy lần tường | 45 |
| Nửa đêm | 46 |
| Một ngày | 47 |
| Cô em mới đến | 50 |
| Chạy | 52 |
| Cầu vồng | 57 |
| Hỏi tòa nhà đá | 59 |
| Chớp mắt | 60 |
| Đêm vượt đèo | 61 |
| Những ác mộng của em | 62 |
| Người về | 63 |
| Mùi mưa hay bài thơ của M. | 64 |
| Chó đen và đêm | 65 |
| Định mệnh | 67 |
| Sốt | 68 |

Phụ lục

| | |
|----------------------------|----|
| Lời ngỏ | 71 |
| Viết về <i>Ác mộng</i> | 77 |
| Tiểu sử nhà thơ Hoàng Hưng | 91 |

Nightmares

| | |
|----------------------------------|-----|
| Foreword by Ellen Bass | 99 |
| Entering | 103 |
| The First Meal | 107 |
| Late Afternoon | 108 |
| In My Dream My Children Are Lost | 109 |
| When | 110 |

Appendix I

| | |
|----------------------------------|-----|
| How My “Nightmares” were Created | 153 |
|----------------------------------|-----|

Appendix II

| | |
|--------------------------------|-----|
| Comments on Hoang Hung’s Poems | 155 |
| A Biography of Hoang Hung | 159 |

